

NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI PHIÊN THAM VẤN CÔNG KHAI

Kính gửi: Cục Phòng Vệ Thương Mại,

Thay mặt Nhóm Công ty Rollza Granito, Văn phòng Luật sư IDVN trình bày một số ý kiến chính trong phiên tham vấn công khai ngày 17 tháng 7 năm 2026 liên quan vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm gạch gốm, sứ ốp lát có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ, mã vụ việc AD23.

Trước hết, Nhóm Công ty Rollza khẳng định đã hợp tác đầy đủ và thiện chí trong toàn bộ quá trình điều tra. Các thông tin về bán hàng, xuất khẩu, chi phí sản xuất và hệ thống kế toán đã được cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan điều tra. Các dữ liệu này không phải là dữ liệu ước tính hay lập riêng cho mục đích vụ việc, mà được trích xuất từ hệ thống kế toán và hồ sơ hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Trong bản bình luận, doanh nghiệp cũng đã giải trình việc dữ liệu bán hàng phù hợp với chứng từ bán hàng, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và các bảng đối chiếu doanh thu; đồng thời dữ liệu chi phí sản xuất được xác định trên cơ sở phương pháp kế toán được doanh nghiệp áp dụng nhất quán.

Trên cơ sở đó, chúng tôi kính đề nghị Cơ quan điều tra sử dụng dữ liệu thực tế của doanh nghiệp để tính toán biên độ bán phá giá. Theo quy định và thông lệ điều tra phòng vệ thương mại, khi doanh nghiệp hợp tác đầy đủ và thông tin có thể kiểm tra, việc xác định giá thông thường, giá xuất khẩu và chi phí sản xuất cần dựa trên hồ sơ của chính doanh nghiệp, thay vì các giả định bất lợi hoặc dữ liệu thay thế không phản ánh điều kiện giao dịch thực tế.

Thứ hai, dữ liệu bán hàng và chi phí sản xuất của Nhóm Công ty Rollza cho thấy doanh nghiệp không có hành vi bán phá giá vào thị trường Việt Nam. Do phiên tham vấn hôm nay là phiên công khai, chúng tôi không trình bày chi tiết các mức giá, chi phí và tính toán cụ thể. Tuy nhiên, về bản chất, khi so sánh trên cơ sở hợp lý giữa giá xuất khẩu sang Việt Nam, giá bán tại thị trường nội địa hoặc thị trường so sánh phù hợp, và chi phí sản xuất của các mã sản phẩm tương ứng, hồ sơ vụ việc không cho thấy việc doanh nghiệp bán hàng vào Việt Nam dưới giá trị thông thường. Theo phân tích của chúng tôi trên cơ sở dữ liệu đã nộp cho Cơ quan điều tra, khi so sánh theo từng nhóm sản phẩm tương tự được bán tại thị trường nội địa Ấn Độ, xuất khẩu sang Việt Nam và xuất khẩu sang nước thứ ba, giá bán sang Việt Nam nhìn chung cao hơn giá bán tại thị trường nội địa và tương đương với giá bán sang nước thứ ba, đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu sang Việt Nam. Đáng lưu ý, cấu trúc sản phẩm giữa các thị trường này về cơ bản là tương đồng, do đó kết quả so sánh phản ánh hợp lý điều kiện thương mại thực tế của doanh nghiệp.

Đồng thời, báo cáo tài chính hằng năm của các công ty trong Nhóm Công ty Rollza đều cho thấy doanh nghiệp hoạt động có lợi nhuận đáng kể. Khi xem xét tổng thể giữa giá bán tại các thị trường, cấu trúc sản phẩm tương đồng và kết quả kinh doanh có lợi nhuận, không có cơ sở kinh tế hợp lý để cho rằng Nhóm Công ty Rollza đang bán sản phẩm vào Việt Nam với mức giá thấp bất thường hoặc thấp hơn giá trị thông thường.

Trong trường hợp sử dụng giá bán nội địa làm cơ sở xác định giá trị thông thường, giá bán sang Việt Nam không thấp hơn giá bán nội địa của các sản phẩm tương tự. Trường hợp giả định một số hoặc toàn bộ giao dịch nội địa không được sử dụng do vấn đề chi phí, thì việc so sánh với giá bán sang nước thứ ba và chi phí sản xuất cũng không cho thấy dấu hiệu bán phá giá, bởi giá bán sang Việt Nam tương đương với giá bán sang nước thứ ba và doanh nghiệp vẫn duy trì lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh thông thường.

Do đó, trên cơ sở dữ liệu thực tế của doanh nghiệp, Nhóm Công ty Rollza cho rằng hồ sơ vụ việc không cho thấy doanh nghiệp có hành vi bán phá giá vào thị trường Việt Nam.

Thứ ba, kết quả của các vụ việc điều tra tại các thị trường khác cũng cho thấy không thể mặc nhiên suy luận rằng gạch men Ấn Độ được xuất khẩu bằng hành vi bán phá giá. Trong vụ điều tra của Hoa Kỳ đối với gạch men từ Ấn Độ, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã kết luận các bị đơn bắt buộc của Ấn Độ không bán phá giá tại thị trường Mỹ.

Tương tự, trong vụ việc của Đài Loan đối với gạch men từ Ấn Độ và một số nước khác, quyết định công khai cho thấy có ba nhà sản xuất/xuất khẩu của Ấn Độ được xác định không bán phá giá. Điều này cho thấy trong cùng một ngành hàng, kết quả điều tra có thể rất khác nhau giữa các doanh nghiệp, tùy thuộc vào dữ liệu thực tế và mức độ hợp tác của từng doanh nghiệp. Do đó, trong vụ việc AD23, việc đánh giá riêng biệt đối với Nhóm Công ty Rollza trên cơ sở dữ liệu thực tế của doanh nghiệp là đặc biệt cần thiết.

Thứ tư, sản phẩm gạch ốp lát của Ấn Độ, bao gồm sản phẩm của Nhóm Công ty Rollza, thường thuộc phân khúc có yêu cầu cao về mẫu mã, bề mặt, độ hoàn thiện và phẩm cấp sản phẩm. Các yếu tố này làm cho sản phẩm Ấn Độ không thể được xem là hoàn toàn đồng nhất với mọi sản phẩm sản xuất trong nước. Chúng tôi không cho rằng mọi sản phẩm nhập khẩu đều vượt trội hơn sản phẩm Việt Nam, nhưng chúng tôi cho rằng sự khác biệt về phẩm cấp và chất lượng là yếu tố thương mại có thật, cần được phản ánh trong phân tích thiệt hại. Ví dụ, các báo cáo thử nghiệm cho thấy gạch Rollza có độ hút nước chỉ 0,0296%, thấp hơn đáng kể so với TTC và Thắng Cường; hệ số giãn nở nhiệt $2,43 \times 10^{-6}/^{\circ}\text{C}$ cũng là mức thấp nhất trong ba sản phẩm; đồng thời, khả năng chống mài mòn đạt cấp III, tương đương TTC và cao hơn

cấp II của Thăng Cường. Mặc dù độ bền uốn của Rollza không cao nhất, kết quả 38,08 MPa vẫn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật áp dụng. Những đặc tính này tạo cơ sở hợp lý để khách hàng ưu tiên Rollza vì khả năng chống thấm, độ ổn định kích thước và độ bền bề mặt.

Công ty	Công ty Rollza Granito	Công ty Cổ phần TTC	Công ty Thăng Cường
Số báo cáo đánh giá chất lượng	HL/MT/240614008 (Vui lòng xem Phụ lục 1)	11.1222-QRCM/V1/36763/26/TNVL (Vui lòng xem Phụ lục 2)	05/240859.QMS.PRO.CN24/GOL (Vui lòng xem Phụ lục 3)
Sản phẩm	1200x1200	1200x1200	1200x1200
Mức độ ngấm nước trung bình (%)	0,0296%	0,14%	0,27%
Độ bền uốn trung bình (N/mm ² hoặc MPA)	38,08	45,36	38,86
Độ giãn nở nhiệt	2,43 x 10 ⁻⁶	4,039 x 10 ⁻⁶	7,25 x 10 ⁻⁶
Độ mài mòn bề mặt	750 - cấp độ III	750 - cấp độ III	Cấp độ II

Tương tự, khi so sánh một số chỉ tiêu kỹ thuật quan trọng giữa sản phẩm gạch của Công ty Rollza Granito và Công ty Viglacera, chúng tôi nhận thấy sản phẩm của Rollza Granito nổi trội về khả năng hạn chế hút nước và đáp ứng mức cường độ chịu uốn tương đương. Cụ thể, theo hồ sơ năng lực được Viglacera công khai, độ hút nước thực tế của gạch Viglacera lớn hơn 0,2%, trong khi chỉ tiêu này của gạch Rollza Granito chỉ ở mức 0,0296%, cho thấy khả năng chống thấm nổi trội của sản phẩm Rollza Granito. Kết quả này phản ánh xương gạch có độ đặc chắc cao, ít lỗ rỗng và mức độ nung kết tốt, qua đó góp phần nâng cao khả năng chống thấm, hạn chế tác động của độ ẩm và bảo đảm độ ổn định của sản phẩm trong quá trình sử dụng. Đây là một trong những chỉ dấu kỹ thuật quan trọng cho thấy chất lượng sản phẩm Rollza Granito được kiểm soát ở mức tốt. Về cường độ chịu uốn, gạch Viglacera đạt mức từ 35 N/mm² trở lên, trong khi gạch Rollza Granito đạt 38,08 N/mm², qua đó cho thấy sản phẩm Rollza Granito đáp ứng mức độ bền uốn tương đương và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật cần thiết. Vui lòng xem hồ sơ năng lực của Công ty Viglacera ở **Phụ lục 4**, trang số 87.

Ngoài ưu thế về chất lượng, Công ty Rollza Granito còn cung cấp sản phẩm với kích thước đa dạng, đáp ứng những nhu cầu cụ thể của khách hàng mà nguồn cung trong nước còn hạn chế. Trong thời kỳ điều tra, Rollza Granito đã xuất khẩu một lượng đáng kể gạch có chiều dài 1.800 mm. Tuy nhiên, theo các tài liệu công khai được rà soát, các doanh nghiệp sản xuất trong nước hầu như không thể hiện việc cung cấp sản phẩm có kích thước này. Cụ thể, hồ sơ năng lực công khai của Công ty Viglacera tại trang 19 liệt kê các sản phẩm gạch men có chiều

dài 3.200, 1.600, 1.200, 1.000, 800, 600, 500, 400, 300 và 200 mm nhưng không bao gồm loại có chiều dài 1.800 mm (vui lòng xem **Phụ lục 4**). Tương tự, website của Công ty Mikado chỉ thể hiện các sản phẩm có chiều dài 1.200, 800 và 600 mm, không bao gồm kích thước 1.800 mm (vui lòng xem **Phụ lục 5**). Website của Công ty Vitto cũng thể hiện các kích thước sản phẩm tương tự Viglacera và không ghi nhận loại gạch có chiều dài 1.800 mm (vui lòng xem **Phụ lục 6**).

Về vấn đề thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, tại thời điểm tham vấn công khai hôm nay, Nhóm Công ty Rollza chưa được tiếp cận bản công khai đầy đủ của hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp, cũng như các dữ liệu công khai hoặc dữ liệu được trình bày dưới dạng chỉ số index về tình hình sản xuất, kinh doanh của ngành sản xuất trong nước. Nhóm Công ty Rollza hiện chưa có đầy đủ cơ sở thông tin để đánh giá hoặc bình luận một cách thực chất về vấn đề thiệt hại và mối quan hệ nhân quả.

Do đó, Nhóm Công ty Rollza bảo lưu quyền tiếp tục bình luận về vấn đề thiệt hại, mối quan hệ nhân quả và các yếu tố liên quan sau khi nhận được dự thảo kết luận của Cơ quan điều tra, trong đó có các thông tin công khai cần thiết, bao gồm dữ liệu dưới dạng chỉ số index về các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của ngành sản xuất trong nước.

Cuối cùng, chúng tôi kính đề nghị Cơ quan điều tra cân nhắc đầy đủ yếu tố lợi ích công cộng. Gạch ốp lát là sản phẩm đầu vào quan trọng của lĩnh vực xây dựng, bất động sản, hoàn thiện nhà ở và công trình dân dụng. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh đầu tư phát triển nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư và nhà ở cho thuê, việc duy trì nguồn cung vật liệu xây dựng với giá cả hợp lý có ý nghĩa quan trọng đối với lợi ích công cộng. Nếu biện pháp chống bán phá giá được áp dụng khi không cần thiết, hoặc ở mức cao hơn mức cần thiết, biện pháp này có thể làm tăng chi phí xây dựng, chi phí hoàn thiện công trình, giá nhà ở, và cuối cùng là chi phí mà doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng phải gánh chịu.

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Nhóm Công ty Rollza kính đề nghị Cơ quan điều tra đánh giá vụ việc một cách khách quan, toàn diện, dựa trên dữ liệu thực tế của doanh nghiệp và bản chất thương mại của các giao dịch. Bên cạnh các khía cạnh kỹ thuật trong tính toán biên độ bán phá giá, chúng tôi kính đề nghị Cơ quan điều tra xem xét tổng thể các yếu tố khách quan của hồ sơ, bao gồm kết quả kinh doanh có lợi nhuận của doanh nghiệp, so sánh giá bán giữa các thị trường theo từng nhóm sản phẩm tương tự, cấu trúc sản phẩm tương đồng giữa các thị trường, tinh thần hợp tác đầy đủ của doanh nghiệp, cũng như nhu cầu của thị trường Việt Nam đối với nguồn cung sản phẩm gạch ốp lát có chất lượng, mẫu mã đa dạng và giá cả hợp lý.

Nhóm Công ty Rollza tin tưởng rằng việc đánh giá đầy đủ các yếu tố này, sẽ giúp Cơ quan điều tra đưa ra kết luận công bằng, khách quan, phù hợp với quy định pháp luật và bảo đảm lợi ích chính đáng của tất cả các bên liên quan.

Công ty Rollza Granito trân trọng cảm ơn Quý Cục đã dành thời gian xem xét các ý kiến, lập luận và tài liệu do Công ty trình bày trong bản đề trình này.

Trân trọng!

PHỤ LỤC

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục	Mô tả
Phụ lục 1	Test Report No.:HL/MT/240614008
Phụ lục 2	Phiếu kết quả thử nghiệm số: 11.1222 - QRCM/V1/36763/26/TNVL
Phụ lục 3	Phiếu kết quả thử nghiệm, Số phiếu KQTN: 05/240859.OMS.PRO.CN24/GOL
Phụ lục 4	Hồ sơ năng lực 2022 – 2023
Phụ lục 5	Các loại gạch ốp tường Mikado
Phụ lục 6	Các loại gạch ốp tường Mikado và kích thước

PHỤ LỤC 1



Scan To Verify

HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

ULR No.: TC1171224000001499F

Issue Date: 26-06-2024

TEST REPORT OF TILE

Name of Agency : ROLLZA GRANITO LLP
Address : MORBI - HALVAD ROAD, OPP. UNCHI MANDAL,
TALAWIYA SANADA ROAD, MORBI - 363642, GUJARAT, INDIA
Sample Name : Pressed Ceramic Tiles (Glazed Vitrified Tiles)
Make : ROLLZA GRANITO
Sample Code : Not Mentioned
Sample Received on : 14-06-2024 Date of Start of Testing : 14-06-2024
Analysis End On : 26-06-2024

SAMPLE DETAILS

Type : Dry Pressed Ceramic Tiles water absorption ($E_v \leq 0.5\%$)
Group : Bla (Annexure-G)
Nominal Size (N) : 1200 x 1200 x 9.0 mm (Rectified)
Work Size : 1200 x 1200 mm
Nature of Surface : Glazed (GL) MATT
Quantity of sample : 40 Pieces
Batch No./Lot No. : 6402
Date of Manufacturing : 10-06-2024
Design : VISTA BONE
Indication of First Quality : Provided (Premium)
Country of Origin : India
Any Other Information : Declared Thickness 9.0 mm
Total Weight of Box : Provided (58.0 kg Approx per box)
Specification : ISO: 13006 Third Edition 2018-09 (Ceramic tiles- Definitions, Classification, Characteristics and marking)
Reference Standards : ISO: 10545 (Part - 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16) with Latest Edition.





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.:HL/MT/240614008

ULR No.:TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

A. Determination of Dimensions and Surface Quality

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 2) - 2018

(a) Dimensions

(i) Measurements of Average Size Lengthwise (Measurement of Length)

a) Description of tiles :	Pressed Ceramic Tiles					
b) Number of Specimen:	5 Whole Tiles					
c) Nominal Size:	1200	x	1200	x	9.0	mm
d) Work Size:	1200	x	1200	x	9.0	mm
e) Thickness:	9.0	mm				
f) Instruments Used:	Vernier Caliper					

Average Size Lengthwise

Parameters

	1	2	3	4	5
Individual Size (mm) side 1 Lengthwise	1200.22	1200.16	1200.18	1200.16	1200.24
Individual Size (mm) side 2 Lengthwise	1200.18	1200.12	1200.24	1200.24	1200.12

Average Size of each Specimen(mm) 1200.20 1200.14 1200.21 1200.20 1200.18

Both Sides Lengthwise

Average Size of 5 specimens (mm)

Lengthwise

Deviation of the average size of each specimen from the work size (mm) 0.200 0.140 0.210 0.200 0.180

Lengthwise

Deviation of the average size for the average of 5 specimens (mm) lengthwise

Deviation of the average size of each specimen from the work size (%) 0.017 0.012 0.018 0.017 0.015

Lengthwise

% Deviation of the average size from the average of 5 Specimens Lengthwise

Deviation of the average size of each specimen from the average of 5 specimen (mm) Lengthwise 0.014 -0.046 0.024 0.014 -0.006

Deviation of the average size of each specimen from average of 5 specimens (%) Lengthwise 0.001 -0.004 0.002 0.001 0.000

Remark: Conforms





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.:HL/MT/240614008

ULR No.:TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

A. Determination of Dimensions and Surface Quality

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 2) - 2018

(ii) Measurements of Average Size Widthwise (Measurements of Width)

a) Description of tiles :	Pressed Ceramic Tiles				
b) Number of Specimen:	5 Whole Tiles				
c) Nominal Size:	1200	x	1200	x	9.0 mm
d) Work Size:	1200	x	1200	x	9.0 mm
e) Thickness:	9.0 mm				
f) Instruments Used:	Vernier Caliper				

Average Size Widthwise

Parameters

	Number of Specimens				
	1	2	3	4	5
Individual Size (mm) side 1 Widthwise	1200.18	1200.12	1200.18	1200.16	1200.26
Individual Size (mm) side 2 Widthwise	1200.16	1200.20	1200.16	1200.22	1200.18

Average Size of each Specimen(mm) 1200.170 1200.160 1200.170 1200.190 1200.220

Both Sides Widthwise

Average Size of 5 specimens (mm)

Widthwise

1200.182 mm

Deviation of the average size of each specimen from the work size (mm) Widthwise

0.170 0.160 0.170 0.190 0.220

Deviation of the average size for the average of 5 specimens (mm)

Widthwise

0.182 mm

Required Value: ± 1.0 mm

Deviation of the average size of each specimen from the work size (%) Widthwise

0.014 0.013 0.014 0.016 0.018

% Deviation of the average size from the average of 5 Specimens

Widthwise

0.015 %

Required Value: ± 0.3 %

Deviation of the average size of each specimen from the average of 5 specimen (mm) Widthwise

-0.012 -0.022 -0.012 0.008 0.038

Deviation of the average size of each specimen from average of 5 specimens (%) Widthwise

-0.001 -0.002 -0.001 0.001 0.003

Remark: Conforms





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

A. Determination of Dimensions and Surface Quality

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 2) - 2018

(iii) Measurements of Thickness

a) Description of tiles :	Pressed Ceramic Tiles				
b) Number of Specimen:	5 Whole Tiles				
c) Nominal Size:	1200	x	1200	x	9.0 mm
d) Work Size:	1200	x	1200	x	9.0 mm
e) Thickness:	9.0 mm				
f) Instruments Used:	Micrometer				

Thickness Parameters	Number of Specimens				
	1	2	3	4	5
Thickness (mm) Position 1	8.90	8.96	8.90	9.05	8.84
Thickness (mm) Position 2	8.97	9.11	8.93	9.13	8.96
Thickness (mm) Position 3	8.93	8.85	8.86	9.02	9.00
Thickness (mm) Position 4	9.11	8.92	9.15	8.98	9.01
Average Thickness (mm)	8.978	8.960	8.960	9.045	8.953

Average Thickness of 5 specimens (mm) all positions

8.979 mm

Deviation of the average thickness of each tile from the work size thickness (mm)

-0.023 -0.040 -0.040 0.045 -0.047

Deviation of the average thickness from the average of 5 specimens (mm)

-0.021 mm

Required Value: ± 0.5 mm

Deviation of the average thickness of each specimen from the work size (%)

-0.250 -0.444 -0.444 0.500 -0.528

% Deviation of the average thickness from the average of 5 Specimens

-0.233 %

Required Value: ± 5.0 %

Remark: Conforms

Page 4 of 15





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.:HL/MT/240614008

ULR No.:TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

A. Determination of Dimensions and Surface Quality

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 2) - 2018

(iv) Measurements of Straightness of Sides

Straightness of Sides	Number of Specimens				
(a) Lengthwise	1	2	3	4	5
Straightness of sides (mm) side 1	0.35	-0.02	0.3	0.09	-0.05
Straightness of sides (mm) side 2	0.22	-0.16	0.17	0.02	-0.22
Maximum deviation of Straightness of both sides (mm)	0.35 mm	Required Value: ± 0.8 mm			
	-0.22 mm				
Maximum deviation from straightness related to the corresponding work size (%)	0.029 %	Required Value: ± 0.3 %			
	-0.018 %				
(b) Widthwise	1	2	3	4	5
Straightness of sides (mm) side 1	0.20	0.04	-0.15	0.09	-0.23
Straightness of sides (mm) side 2	-0.03	0.08	-0.07	0.01	-0.30
Maximum deviation of Straightness of both sides (mm)	0.20 mm	Required Value: ± 0.8 mm			
	-0.30 mm				
Maximum deviation from straightness related to the corresponding work size (%)	0.017 %	Required Value: ± 0.3 %			
	-0.025 %				

Remark: Conforms

(v) Measurements of Rectangularity

Rectangularity of Sides	Number of Specimens				
(a) Lengthwise	1	2	3	4	5
Rectangularity (mm) side 1	0.36	-0.10	0.20	-0.25	0.15
Rectangularity (mm) side 2	0.09	0.45	-0.16	0.11	0.07
Maximum deviation of Rectangularity of both sides (mm)	0.45 mm	Required Value: ± 1.5 mm			
	-0.25 mm				
Maximum deviation from Rectangularity related to the corresponding work size (%)	0.038 %	Required Value: ± 0.3 %			
	-0.021 %				
(b) Widthwise	1	2	3	4	5
Rectangularity (mm) side 1	-0.12	0.36	-0.04	-0.09	0.30
Rectangularity (mm) side 2	-0.37	-0.52	0.12	-0.47	-0.57
Maximum deviation of Rectangularity of both sides (mm)	0.36 mm	Required Value: ± 1.5 mm			
	-0.57 mm				
Maximum deviation from Rectangularity related to the corresponding work size (%)	0.030 %	Required Value: ± 0.3 %			
	-0.048 %				

Remark: Conforms

Page 5 of 15





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

A. Determination of Dimensions and Surface Quality **Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 2) - 2018**

(vi) Measurements of Surface Flatness (Curvature and Warpage)

A. Centre Curvature:

Centre Curvature	Number of Specimens				
	1	2	3	4	5
Centre curvature (mm) Diagonal 1	-0.38	0.46	-0.71	0.22	-0.42
Centre curvature (mm) Diagonal 2	0.76	-0.98	0.12	0.17	0.07
Maximum centre curvature related to the diagonal work size (mm)	0.76 mm				
	-0.98 mm				
					Required Value: ± 1.8 mm
Maximum centre curvature related to the diagonal calculated from work size (%)	0.045 %				
	-0.058 %				
					Required Value: ± 0.4 %

Remark: Conforms

B. Edge Curvature of Length

(a) Lengthwise

	1	2	3	4	5
Edge curvature(mm) side 1	0.28	0.29	0.29	-0.36	0.23
Edge curvature(mm) side 2	-0.04	0.14	0.69	0.74	0.27
Maximum edge curvature related to the corresponding work size (mm)	0.74 mm				
	-0.36 mm				
					Required Value: ± 1.8 mm
Maximum edge curvature related to the corresponding work size (%)	0.062 %				
	-0.030 %				
					Required Value: ± 0.4 %

C. Edge Curvature of Width

(b) Widthwise

	1	2	3	4	5
Edge curvature(mm) side 1	-0.16	0.30	-0.07	-0.22	-0.20
Edge curvature(mm) side 2	0.65	-0.35	0.52	-0.19	-0.55
Maximum edge curvature related to the corresponding work size (mm)	0.65 mm				
	-0.55 mm				
					Required Value: ± 1.8 mm
Maximum edge curvature related to the corresponding work size (%)	0.054 %				
	-0.046 %				
					Required Value: ± 0.4 %

Remark: Conforms

Page 6 of 15





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

A. Determination of Dimensions and Surface Quality Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 2) - 2018

(vi) Measurements of Surface Flatness (Curvature and Warpage)

D. Warpage

(a) Lengthwise

	1	2	3	4	5
Warpage (mm) side 1	0.36	-0.72	-0.64	-0.78	-0.16
Warpage (mm) side 2	0.39	0.54	-0.02	0.92	-0.43
Maximum warpage related to the diagonal from work size (mm)	0.92 mm	Required Value: ± 1.8 mm			
	-0.78 mm				
Maximum warpage related to the diagonal from work size (%)	0.054 %	Required Value: ± 0.4 %			
	-0.046 %				

E. Warpage

(b) Widthwise

	1	2	3	4	5
Warpage (mm) side 1	0.02	-0.14	-0.04	0.36	0.20
Warpage (mm) side 2	0.58	0.82	-0.02	0.78	0.56
Maximum warpage related to the diagonal from work size (mm)	0.82 mm	Required Value: ± 1.8 mm			
	-0.56 mm				
Maximum warpage related to the diagonal from work size (%)	0.048 %	Required Value: ± 0.4 %			
	-0.033 %				

Remark: Conforms





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

A. Determination of Dimensions and Surface Quality

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 2) - 2018

(vii) Measurements of Surface Quality

- a) Description of tiles : Pressed Ceramic Tiles
b) Number of Specimen: 20 Whole Tiles
c) Nominal Size: 1200 x 1200 x 9.0 mm
d) Work Size: 1200 x 1200 x 9.0 mm
e) Thickness: 9.0 mm
f) Instruments Used: Fluorescent Lighting of Colour, Temp., Meter Rule, Light

Number of Specimen	Cracks	Crazing	Dry Spot	Unevenness	Pin Hole	Glaze Devitrification	Specks and Spots	Under glaze fault	Decorating fault	Chip	Blister	Rough Edge	Polishing defect
1	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
2	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
3	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
4	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
5	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
6	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
7	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
8	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
9	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
10	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
11	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
12	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
13	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
14	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
15	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
16	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
17	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
18	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
19	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
20	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C

Remark: - C = Conform the Requirement

Procedure: Tile have been Placed in the observation table under 275 ± 25 lux light by 6000 K lighting source and observed for the surface defects and Intentional effects-

Observation: No cracks, crazing, dry spots, unevenness, pin hole, glaze devitrification, specks or spots, underglaze fault, polishing defects, polishing effects, decorating fault, chip, blister, rough edge, welt, etc. have been Observed. Also In order to judge whether there is a defect or an intentional decorative effect, the intentionality and aesthetics of the effect have been assessed, including a review of the manufacturer documentation. Cracks, chipped edges and chipped corners have not been detected. 100 % Tile is free from Visual Defects.

Required Value: Tiles should not have Above mentioned Defects in 95 % Tiles Observed

Remark: Conforms

Page 8 of 15





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.:HL/MT/240614008

ULR No.:TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

B. Physical Property

(i) Water Absorption

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 3) - 2018

Sample Size: 200x200x9.0 mm

Specimen Number	Mass of the Dry Sample (gm) (M1)	Mass of the Wet Sample (gm) (M2)	Water absorption of Individual Specimen (%) (M2-M1) x 100/M1
1	816.54	816.76	0.0269
2	804.22	804.49	0.0336
3	784.78	784.97	0.0242
4	798.41	798.65	0.0301
5	813.05	813.26	0.0258
6	823.63	823.92	0.0352
7	786.37	786.62	0.0318
8	818.81	819.03	0.0269
9	795.49	795.72	0.0289
10	811.20	811.48	0.0345
11	783.49	783.70	0.0268
12	815.04	815.29	0.0307

Average Water Absorption of the all specimens tested in % **0.0296 %** **Độ hút nước trung bình của tất cả các mẫu thử (tính theo %)** Required Value Max. 0.5 %

Individual Max. Value of Water Absorption of the Specimen in % **0.0352 %** **Giá trị yêu cầu tối đa** Required Value Max. 0.6 %

Remark: Conforms

(ii) Modulus of Rupture

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 4) - 2019

Specimen Number	Breaking Load (Newton) F	Span between the support rods (mm) l_2	Width of the test Specimen (mm) b	Minimum thickness of the test specimen measured after the along the broken edge (mm) h	Modulus of Rupture of Individual Specimen (N/mm ²) $3F_l/2bh^2$
1	1897.5	780	800	8.55	37.96
2	1941.0	780	800	8.62	38.20
3	1873.0	780	800	8.59	37.12
4	1932.0	780	800	8.54	38.74
5	1922.0	780	800	8.57	38.27
6	1903.0	780	800	8.63	37.37
7	1930.0	780	800	8.52	38.88

Average Breaking Load, N **Tải trọng phá hủy trung bình** 1914.07 Newton

Average Modulus of Rupture, N/mm² **Độ bền uốn trung bình** 38.08 N/mm²

Individual Minimum Modulus of Rupture, N/mm² **37.12 N/mm²**

* Note: Testing has been performed on cut tiles, test specimen size(800x800 mm)

Giá trị yêu cầu
Required Value: 35 N/mm²
Required Value: 32 N/mm²

Remark: Conforms

Page 9 of 15





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

(iii) Breaking Strength

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 4) - 2019

Specimen Number	Breaking Load (Newton) F	Span between the support rods (mm) l_2	Width of the test Specimen (mm) b	Breaking Strength of Individual Specimen (N) F_{12}/b
1	1897.5	780	800	1850.06
2	1941.0	780	800	1892.48
3	1873.0	780	800	1826.18
4	1932.0	780	800	1883.70
5	1922.0	780	800	1873.95
6	1903.0	780	800	1855.43
7	1930.0	780	800	1881.75

Average Breaking Load, N

1914.07 Newton

Average Breaking Strength, N

1866.22 Newton

Required Value: Min 1300 Newton

* Note: Testing has been performed on cut tiles, test specimen size (800x800 mm)

Remark: Conforms

(iv) Determination of Impact Resistance by measurement of coefficient of restitution

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 5) - 1996

Specimen Number	Dropping height of the ball (h1) mm	Indentation or Cracking	Coefficient of restitution of Specimen
1	1000	No Indentation or Cracking	0.789
2	1000	No Indentation or Cracking	0.793
3	1000	No Indentation or Cracking	0.782
4	1000	No Indentation or Cracking	0.775
5	1000	No Indentation or Cracking	0.779

Average Coefficient of Restitution of the all specimens tested

0.784

Required Value : Min 0.55 Conforms

Any indentation or Cracking in the Test Specimen

No Indentation or Cracking Observed in all the test specimen tested

(v) Determination of Resistance to surface abrasion for glazed tiles

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 7) - 1996

Specimen Number	Abrasion stage at Revolutions	Failure Occur	Class of stain resistance for tiles of Abrasion	Average Class of stain resistance for tiles of Abrasion
1	100	No	NA	3
2	150	No	NA	
3	600	No	NA	
4	750	Yes	3	
5	1500	NA	NA	
6	2100	NA	NA	
7	6000	NA	NA	
8	12000	NA	NA	

Resistance to surface abrasion of glazed tiles intended for use on floors

Class 3, Failure occurred at 750 Revolutions

Required Vale: NA

Độ bền mài mòn bề mặt của gạch phủ men dùng để lát nền

Cấp 3, Xuất hiện vết hỏng tại 750 vòng quay

Giá trị yêu cầu: Không áp dụng

Page 10 of 15





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

(vi) Determination of Linear Thermal Expansion

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 8) - 2014

Coefficient of Linear Thermal Expansion

Test Parameters	Length of Test Specimen at Ambient Temperature	Ambient Temperature	Length Increase at 100°C in mm	Required	Results
a. Coefficient of linear thermal expansion, ambient to 100°C, Specimen 1	25.42	27.5	0.005	NA	2.71×10^{-6}
b. Coefficient of linear thermal expansion, ambient to 100°C, Specimen 2	25.31	26.3	0.004	NA	2.14×10^{-6}

Average Coefficient of linear thermal expansion, ambient to 100°C

Hệ số nở nhiệt tuyến tính trung bình từ nhiệt độ phòng đến 100°C
 2.43×10^{-6}

Remark: Conforms

(vii) Determination of Resistance to Thermal Shock

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 9) - 2013

i) Water Absorption Coefficient: 0.0296 %

Specimen Number	Visual defect examine before the test				Visual defect examine after the test				
	Cracks (Naked eye)	Crazing (Naked eye)	Dryspot (Naked eye)	Using Methylene Blue Staining (Naked eye)	Cracks (Naked eye)	Crazing (Naked eye)	Dryspot (Naked eye)	Using Methylene Blue Staining (Naked eye)	
1	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
2	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
3	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
4	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
5	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.

Remarks and Observation: No visual defects like Crack, Crazing, Dry Spots in all the five test specimen.

Remark: Conforms





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

(viii) Determination of Moisture Expansion

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 10) - 2021

Specimen Number	Length of Specimen after re-firing (mm)		Length of Specimen after treatment in boiling water (mm)		Moisture Expansion of each test Specimen (mm/m)
	Initial Length (mm)	Length after 3 h from the initial measurement	Length After 1 h removal from the boiling	Length after 3 h from the first measurement	
1	100.238	100.238	100.240	100.239	0.00998
2	100.155	100.155	100.157	100.156	0.00998
3	100.289	100.289	100.290	100.289	0.00000
4	100.347	100.347	100.349	100.348	0.00997
5	100.191	100.191	100.193	100.192	0.00998
Average Moisture Expansion (mm/m)					0.00798

Maximum Value of Moisture Expansion (mm/m)

0.00998

Required Value

Max. 0.6 mm/m

Remark: Conforms

(ix) Determination of Craze Resistance for glazed tiles

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 11) - 1994

Specimen Number	Examine the test Specimen for Craze	Test Condition for the Specimen
1	No Craze	Kept in Autoclave at Pressure 500±20 kPa, Steam Temperature 159±1°C
2	No Craze	
3	No Craze	
4	No Craze	
5	No Craze	

Remark: No test specimen shows any sign of Craze after performing the test.

Remark: Conforms

(x) Determination of Frost Resistance

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 12) - 1995

Specimen Number	Visual defect examine before the test					Visual defect examine after the test				
	Cracks	Crazing	Dryspot	Using Methylene Blue Staining	Cracks	Crazing	Dryspot	Using Methylene Blue Staining	Cracks	Crazing
1	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
2	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
3	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
4	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
5	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
6	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
7	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
8	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
9	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.
10	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	Satisfac.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.	No Def.

Remark: All the test specimen having no visual defects after 100 cycles freeze of thaw test

Remark: Conforms





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

ULR No.: TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

(xi) Determination of Small Colour Differences

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 16) - 2010

Observation No.	1	2	3	4	5
Observation Value ΔE	0.4	0.4	0.5	0.3	0.3
Average Value of colour Difference ΔE	0.38			Req. Value < 0.75	

Remark: Conforms

C. Chemical Property

(i) Determination of Chemical Resistance

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 13) - 2016

a. House hold chemical Resistance:

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	Ammonium Chloride solution 100 gm/L	Min. class B(V)	Class-A(V) No visual change	Conforms
2		Min. class B(V)	Class-A(V) No visual change	
3		Min. class B(V)	Class-A(V) No visual change	

b. Swimming Pool Salt:

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	Sodium Hypochlorite Solution 20mg/l	Min. class B(V)	Class-A(V) No visual change	Conforms
2		Min. class B(V)	Class-A(V) No visual change	
3		Min. class B(V)	Class-A(V) No visual change	

c. Low Concentration (L):

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	i) Hydrochloric Acid solution 3% (v/v)	As per Manufacturer	Class-LA(V) No visual change	Conforms
2			Class-LA(V) No visual change	
3			Class-LA(V) No visual change	
1	ii) Citric acid Solution 100 gm/l	As per Manufacturer	Class- LA(V) No visual change	Conforms
2			Class- LA(V) No visual change	
3			Class- LA(V) No visual change	
1	iii) Potassium Hydroxide Solution 30gm/l	As per Manufacturer	Class- LA(V) No visual change	Conforms
2			Class- LA(V) No visual change	
3			Class- LA(V) No visual change	

d. High Concentration (H):

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	i) Hydrochloric Acid Solution 18% (v/v)	As per Manufacturer	Class-HA(V) No visual change	Conforms
2			Class-HA(V) No visual change	
3			Class-HA(V) No visual change	
1	ii) Lactic Acid Solution 5% (v/v)	As per Manufacturer	Class- HA(V) No visual change	Conforms
2			Class- HA(V) No visual change	
3			Class- HA(V) No visual change	

*Note : "(V)" stands for normal classification

Page 13 of 15





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.:HL/MT/240614008

ULR No.:TC1171224000001499F

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

Issue Date: 26-06-2024

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	iii) Potassium Hydroxide Solution 100gm/l	As per Manufacturer	Class- HA(V) No visual change	Conforms
2			Class- HA(V) No visual change	
3			Class- HA(V) No visual change	

*Note : "(V)" stands for normal classification

(ii) Determination of Resistance to stains

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 14) - 2015

a. Stain Leaving Trace:

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	Green Staining Agent in light oil (Cr2O3 in light oil), for all tiles except green colored tiles	Min Class 3	Class 5	Conforms
2		Min Class 3	Class 5	
3		Min Class 3	Class 5	
4		Min Class 3	Class 5	
5		Min Class 3	Class 5	

b. Stain having chemical/oxidizing action:

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	Iodine, 13gm/l solution in alcohol	Min Class 3	Class 5	Conforms
2		Min Class 3	Class 5	
3		Min Class 3	Class 5	
4		Min Class 3	Class 5	
5		Min Class 3	Class 5	

c. Stain Forming a film:

Specimen Number	Characteristic/ Test	Requirements	Test Results	Remark
1	Olive oil	Min Class 3	Class 5	Conforms
2		Min Class 3	Class 5	
3		Min Class 3	Class 5	
4		Min Class 3	Class 5	
5		Min Class 3	Class 5	





HEXIQON LABORATORY PVT. LTD.
Plot No. 8, Shayona Estate Part-2,
Bh. Silver Oak Engineering Collage,
Nr. AUDA Water Tank, Gota,
Ahmedabad-382481 Gujarat, INDIA.
Email : hexiqonlab@gmail.com
Mb.: +91 8487878021, +91 9879444222
CIN : U86905GJ2023PTC140980

Test Report

Test Report No.: HL/MT/240614008

Issued To: ROLLZA GRANITO LLP

ULR No.: TC1171224000001499F

Issue Date: 26-06-2024

C. Chemical Property

(iii) Determination of Lead and Cadmium given off by tiles

Reference Standard : ISO: 10545 (Part - 15) - 2021

Lead Release (mg/l & mg/dm²)

Specimen Number	Characteristic/ Test Parameter	Requirements	Test Results	Remark
1	Mass of lead Extracted per unit of Surface $\rho_A(\text{Pb})$, mg/dm ²	0.8 mg/dm ²	Not Detected (Detection Limit 0.005)	Conforms
2	Mass of lead Extracted per unit of Surface $\rho_A(\text{Pb})$, mg/dm ²	0.8 mg/dm ²	Not Detected (Detection Limit 0.005)	
3	Mass of lead Extracted per unit of Surface $\rho_A(\text{Pb})$, mg/dm ²	0.8 mg/dm ²	Not Detected (Detection Limit 0.005)	

Cadmium Release (mg/l & mg/dm²)

Specimen Number	Characteristic/ Test Parameter	Requirements	Test Results	Remark
1	Mass of cadmium extracted per unit of Surface $\rho_A(\text{Cd})$, mg/dm ²	0.07 mg/dm ²	Not Detected (Detection Limit 0.005)	Conforms
2	Mass of cadmium extracted per unit of Surface $\rho_A(\text{Cd})$, mg/dm ²	0.07 mg/dm ²	Not Detected (Detection Limit 0.005)	
3	Mass of cadmium extracted per unit of Surface $\rho_A(\text{Cd})$, mg/dm ²	0.07 mg/dm ²	Not Detected (Detection Limit 0.005)	

Conformity Statement: The Sample provided by the Party for testing as per ISO 13006: 2018, Conforms the Requirements of the Specifications mentioned and other test methods used.

Opinion and Interpretation: Not Applicable

Reviewed By

Karan Singh

For, Hexiqon Laboratory Pvt. Ltd.



(Authorised Signatory)

Note:

1. This report, in full or in part, shall not be published, advertised, used for any legal action, unless prior permission has been secured from the Director of Laboratory.
2. This test report is ONLY FOR THE SAMPLE TESTED.

.....End of Report.....

PHỤ LỤC 2

**CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN & KIỂM ĐỊNH VINACONTROL****TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VINACONTROL**

Trụ sở chính: 54, Trần Nhân Tông, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chi nhánh: 435 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Nhất TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ PTN1: Lô CN 09-06, Cụm CN Ninh Hiệp, Xã Phú Đồng, TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN2: Số 25-27 Trương Định, Phường Tương Mai, TP. Hà Nội
Tel: 02463.280.384 email: vnce@vnce.vn web: www.vnce.vn

HĐKT: N/A

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11.1222-QRCM/V1/36763/26/TNVL

Trang: 01/01

1. Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TTC.

Địa chỉ: CN 6, Khu CN Phúc Yên, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

2. Thông tin mẫu:

Biên bản lấy mẫu: 1222-QRCM/V1/36763 Ngày 07/04/2026

Ký hiệu tổ mẫu: 11.1222-QRCM/V1/36763

Địa điểm lấy mẫu: CN 6, Khu CN Phúc Yên, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Nhãn hiệu thương mại: TTC, VIOVA, CANARY, MONICA

3. Loại mẫu: Gạch gốm ốp lát ép bán khô gạch lát nền nhóm B1a, 1200x1200 mm**4. Số lượng: 05 viên nguyên. (Mẫu còn nguyên tem niêm phong).****5. Ngày nhận mẫu: 10/04/2026.****6. Thiết bị thí nghiệm chính: Thước pame, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy mài mòn, thiết bị thử hệ số giãn nở nhiệt dài, thiết bị thử hệ số giãn nở nhiệt ẩm, máy thử kéo, nén, uốn 50KN.****7. Người gửi mẫu: Mẫu do chuyên gia đánh giá Vinacontrol CE lấy và mang đến.****8. Mục đích sử dụng: Kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá phục vụ chứng nhận hợp quy.****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

TT	Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Kết quả					YCKT QCVN 16:2023/BXD	Phương pháp thử
				M1	M2	M3	M4	M5		
1	Độ hút nước	Từng mẫu	%	0,09	0,11	0,11	0,18	0,10	≤ 0,6	TCVN 6415- 3:2016
		Trung bình		0,12					≤ 0,5	
2	Độ bền uốn	Từng mẫu	MPa	44,40	43,16	47,18	44,71	47,86	≥ 32	TCVN 6415- 4:2016
		Trung bình		45,46					≥ 35	
3	Độ chịu mài mòn bề mặt		Vòng, cấp	750, III					I, II, III, IV	TCVN 6415- 7:2016
4	Hệ số giãn nở nhiệt dài		10 ⁻⁶ /°C	4,039					≤ 9	TCVN 6415- 8:2016

Nhận xét: Các chỉ tiêu đã được thử nghiệm trên phù hợp với QCVN 16:2023/BXD. Gạch gốm ốp lát ép bán khô nhóm B1a.

Người thực hiện

Đỗ Trọng Minh

Trưởng phòng

Nguyễn Thị Phượng

Ngày 23 tháng 04 năm 2026

Giám đốc



Đỗ Thịnh Thắng

Ghi chú:

- Tên mẫu, thông tin mẫu, ký hiệu mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được ghi theo tài liệu đi kèm mẫu.
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Vinacontrol CE.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thuê thầu phụ.

PHỤ LỤC 3



CÔNG TY CỔ PHẦN THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TGD HÀ NỘI

Đ/c: Lô đất 279 ngõ số 1 khu tập thể trung tâm 75, Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Đ/c: Số 23 ngách 87/2 phố Thiên Hiền, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Phiếu YC thử nghiệm số: 240859.QMS.PRO.CN24

Số phiếu KQTN: 05/240859.QMS.PRO.CN24/GOL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Thông tin khách hàng cung cấp:

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
- Địa chỉ trụ sở: C9 Lô 8, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- Đơn vị cung cấp mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN THẮNG CƯỜNG
- Địa chỉ thử: Lô D và C1, cụm công nghiệp Bạch Hạc, phường Bạch Hạc, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Địa chỉ lấy mẫu: Lô D và C1, cụm công nghiệp Bạch Hạc, phường Bạch Hạc, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Thông tin mẫu thử: Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm B1a. Kích thước: 1200x1200 (mm)
- Mục đích thử nghiệm: Kiểm tra chất lượng sản phẩm

II. Thông tin phòng thử nghiệm cung cấp:

- Nguồn gốc mẫu: Mẫu thử do khách hàng lấy và mang tới phòng thử nghiệm.
- Ngày nhận mẫu: 21/08/2024
- Ngày thử nghiệm: 21/08/2024
- Ngày báo cáo: 29/08/2024
- Phương pháp lấy mẫu: Theo tiêu chuẩn thử
- Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 16:2023/BXD

III. Kết quả thử nghiệm:

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm										Quy định KT theo QCVN 16:2023/BXD		Phương pháp thử	
			M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10	Trung bình	Từng mẫu		Trung bình
1	Độ hút nước	%	0.274	0.274	0.262	0.254	0.264	-	-	-	-	-	0.27	≤ 0.6	≤ 0.5	TCVN 6415-3:2016
2	Độ bền uốn	MPa	-	-	-	-	-	37.77	38.61	39.18	39.11	39.65	38.86	≥ 32	≥ 35	TCVN 6415-4:2016
3	Độ chịu mài mòn															
3.2	Độ chịu mài mòn đối với gạch phủ men	cấp	-	-	-	-	-	II	II	II	II	II	II	-	I, II, III, IV	TCVN 6415-7:2016
4	Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ /°C	-	-	-	-	-	6.56	7.15	7.45	7.59	7.48	7.25	-	≤ 9	TCVN 6415-8:2016

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới và không có mẫu lưu tại PTN.
- Mẫu thử, thông tin mẫu thử do đơn vị yêu cầu cung cấp.

IV. Đơn vị thực hiện thử nghiệm:

Người thử nghiệm

Tr. Phòng thử nghiệm

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Phạm Đức Thái

Ks. Phan Tiến Dũng



Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC 4



HỒ SƠ NĂNG LỰC

2022 - 2023

48th
since 1974



NỘI DUNG

CÂU CHUYỆN THƯƠNG HIỆU	04
ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC	10
HỆ THỐNG NHÀ MÁY CỦA CHÚNG TÔI	12
DỰ ÁN TIÊU BIỂU	14
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU	20
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU	24
SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI	40
HỆ THỐNG SHOWROOM	174



CÂU CHUYỆN THƯƠNG HIỆU

VIGLACERA

Từ năm 1974

Kể từ đầu vào năm 1974 trên cơ sở sáp nhập 18 xí nghiệp sản xuất gạch thủ công, Tổng công ty Viglacera - CTGP đã vươn lên trở thành một trong những nhà sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản hàng đầu tại Việt Nam.

Tiến hành trình phát triển của mình, bên cạnh việc liên tục cải tiến, cập nhật công nghệ, trang thiết bị hiện đại, tiến tiến nhập vào sản xuất, Viglacera luôn đặt lợi ích kinh doanh song hành cùng trách nhiệm xã hội. Mỗi công nhân xuất xưởng, hướng tới năng cao lợi ích sống khỏe và an toàn cho người sử dụng để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và quốc tế là tôn chỉ mà Viglacera đã và đang hướng đến.

Viglacera - top 20 nhà sản xuất gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh lớn nhất thế giới

Năm 2021, Viglacera vừa lọt top 20 nhà sản xuất gạch ốp lát và top 30 nhà sản xuất thiết bị vệ sinh lớn nhất thế giới (Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Gốm sứ Italy).

Viglacera hiện đang dẫn đầu về năng lực sản xuất ở hầu hết các dòng sản phẩm băng rêu có hữu và vận hành chuỗi nhà máy công suất lớn trên toàn quốc với tổng công suất gạch ốp lát đạt 43 triệu m²/năm, sứ - sen với đạt trên 2,5 triệu sản phẩm/năm. Các sản phẩm của Viglacera hiện được sử dụng ở nhiều công trình trong nước và có mặt ở hơn 70 quốc gia trên thế giới.

LĨNH VỰC KINH DOANH

VẬT LIỆU XÂY DỰNG
KINH XÂY DỰNG
GẠCH ỐP LÁT, BÊ TÔNG KHÍ CHUNG AP,
THIẾT BỊ VỆ SINH, CẠCH NGỒI ĐẤT SÉT NUNG

BẤT ĐỘNG SẢN
NHÀ Ở
KHU CÔNG NGHIỆP



Thành lập năm **1974**

Hơn **14.000** nhân viên

Hơn **40** đơn vị thành viên

Tổng doanh thu hơn **\$ 400** triệu USD

Xuất hiện tại hơn **70** quốc gia trên toàn thế giới

Top **20** thế giới về sản xuất gạch ốp lát

Top **30** thế giới về sản xuất thiết bị vệ sinh

05 nhà máy đạt chuẩn

Top **50** thương hiệu thiết bị vệ sinh uy tín nhất Việt Nam

15 giải thưởng thiết kế quốc tế trong ngành công nghiệp thiết bị vệ sinh

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



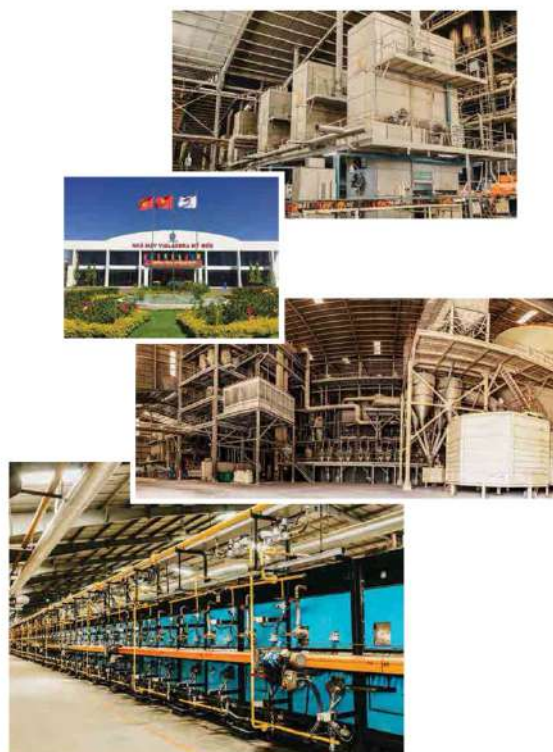
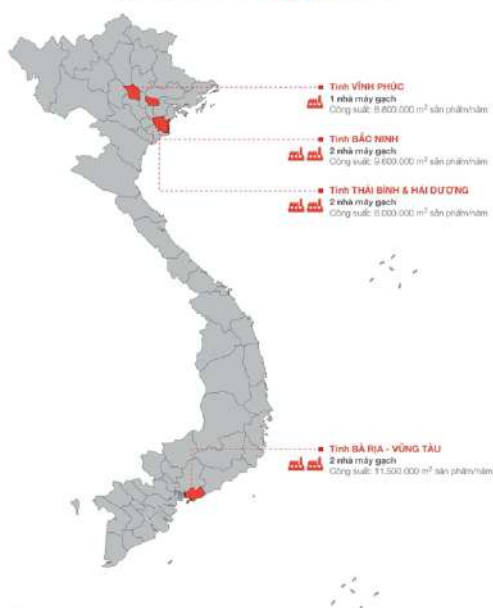
ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

Viglacera đã hợp tác với một số công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh để đảm bảo năng lực cao hiệu suất kỹ thuật và hiệu suất sử dụng trên từng sản phẩm. Chúng tôi tự hào là nhà sản xuất duy nhất tại Việt Nam có khả năng sản xuất các dòng sản phẩm cao cấp như gạch xương trắng, gạch color body, gạch kỹ thuật 20mm và gạch chống công nghệ Slimtech...



HỆ THỐNG NHÀ MÁY CỦA CHÚNG TÔI

Sản lượng gạch ốp lát **43** triệu m² sản phẩm/ năm
 Top **20** doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát lớn nhất thế giới
 Thị phần gạch porcelain **số 1** Việt Nam



NHỮNG DỰ ÁN TIÊU BIỂU



Chung cư Sky Class - CT 07, CT 07A, CT 04
Vân Giang, Hưng Yên
Chung cư Sky Class, CT 06A - Vân Giang, Hưng Yên
Chung cư Swan Lake CT 21-22 - Vân Giang, Hưng Yên
Chung cư Salsabil - Vân Giang, Hưng Yên
KĐT EcoSivers - TP. Hà Dương, Hải Dương



Vinhome Ocean Park - Gia Lâm, Hà Nội
Vinhome Smart City - Tây Mỗ, Hà Nội
Vinhome Grand Park G9 - Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Tòa tháp VinFast 45 Tầng - Vin Impasta Hải Phòng
Vinhome Thăng Long - Hoài Đức, Hà Nội
Vinastore, Vinmec...



Luxia Charm - Bình Dương
Khả Vỹ - TP. Hồ Chí Minh
Moonlight Central Point - TP. Hồ Chí Minh
Hải Giang MỹLand - Bình Định
Moonlight Boulevard - TP. Hồ Chí Minh
Moonlight Residence - TP. Hồ Chí Minh
Moonlight ParkView - TP. Hồ Chí Minh
Condote Cosan Gate - Nha Trang
Cam Ranh Mystery Villa - Khánh Hòa
RichMoon City - TP. Hồ Chí Minh
Vùng Tàu Melody - Vùng Tàu
Moody Residence Âu Cơ - TP. Hồ Chí Minh
9 View Apartment - TP. Hồ Chí Minh
Luxia Garden - TP. Hồ Chí Minh



Chủ đầu tư NovaMall - Toàn Quốc
SunShine Riverside - Nhà Bè, TP. HCM
Victoria - Phường Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức



Manor Courtyard Đà Nẵng - Hải Châu, Đà Nẵng



Bitexco Lào Cai - TP. Lào Cai
The Manor Central Park - Hoàng Mai, Hà Nội



D' Palace de Ivoire - Cầu Giấy, Hà Nội
D' Capital - Cầu Giấy, Hà Nội
D' El Dorado I Phú Thiện - Tây Mỗ, Hà Nội
D' El Dorado I Phú Thượng - Tây Mỗ, Hà Nội



Apec Aqua Park Bắc Giang - TP. Bắc Giang
Apec Mandala Wyndham Mũi Né - TP. Phan Thiết,
Tỉnh Bình Thuận
Apec Mandala Wyndham Phú Yên - Tây Hòa, Phú Yên
Apec Mandala Between Kim Bô - Kim Bô, Tỉnh Hòa Bình
APEC MANGALA WYNDAHAM HẢI DƯƠNG - ngã tư Lũ
Thạnh Ngự, Vĩnh Khú



Tòa tháp châu thiên kỷ Hà Tây - Hà Đông - TP. Hà Nội



Alma Nha Trang - Nha Trang



Premier Hạ Long - TP. Hạ Long, Quảng Ninh
Mama Hạ Long - TP. Hạ Long, Quảng Ninh
Tây Hồ View - Tây Hồ, Hà Nội
Vico Ocean Quảng Ninh - Cẩm Phả, Quảng Ninh



Grand Tower - Hồng Bàng, Hải Phòng
Hoàng Huy Commerce - Lê Chân, Hải Phòng
HH1 2, 3, 4 - Golden Land Hoàng Huy - Ngã Quyền, Hải Phòng



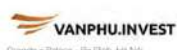
Tòa nhà Quốc Hội Lào - Vongchert, Lào



Premier Nha Trang - Nha Trang



Ariyana Beach Resort & Suites - TP. Đà Nẵng
Ariyana SmartCondo Nha Trang - TP. Nha Trang



Grandeur Palace - Đà Nẵng, Hà Nội
The Tans An Lung - Hà Đông, Hà Nội
Oakwood Residence - Tây Hồ, Hà Nội



Royal Marina Center - Bãi Dũ Võ Nguyên Giáp, TP. Nha Trang



Empire City - TP. Hồ Chí Minh



Selling Club - Bà Rịa - Vũng Tàu
Horizon Bay Hạ Long - Bãi Cháy, Hạ Long
KĐT Thanh Xuân - TP. Vinh Yên, Vĩnh Phúc



Khách sạn Flamingo Các Bà - Cát Hải, Hải Phòng



Saigon Gateway - TP. Hồ Chí Minh



Thị trấn VP City Land - TP. Hồ Chí Minh

NHỮNG DỰ ÁN TIÊU BIỂU



VINHOME OCEAN PARK



VINHOME SMART CITY



TÒA THÁP VINFAST 45 TẦNG



KHÁCH SẠN ARIYANA ĐÀ NẴNG



TÂY HỒ VIEW



GRAND TOWER

NHỮNG DỰ ÁN TIÊU BIỂU



PREMIER HA LONG



VINHOME OCEAN PARK



KHÁCH SẠN MARRIOTT ĐÀ NẴNG



GRANDEUR PALACE



FPT COMPLEX ĐÀ NẴNG



SKY OASIS

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Xuất khẩu hơn **70** quốc gia - vùng lãnh thổ.



TRUNG TÂM R&D

Nằm trong mục tiêu phát triển dài hạn của Viglacera với định hướng tập trung vào nghiên cứu phát triển sản phẩm, trong năm 2021 Viglacera đã thành lập 02 Trung tâm thiết kế tạo dáng tại Ý và Việt Nam. Mục tiêu của nỗ lực đầu tư này là để đưa ra thị trường những sản phẩm hoàn thiện nhất, vừa tinh tế và thẩm mỹ vừa tiên tiến và bền vững công nghệ.



22 |



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 23

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



24 |



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 25

CHỨNG CHỈ



26

CÔNG NGHỆ GẠCH ỐP LÁT

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TẤM PORCELAIN KHỔ LỚN - SACMI CONTINUA+

Viglacera tự hào là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tại Châu Á Thái Bình Dương đầu tư đầy chuyển biến đại nhất thế giới vào sản xuất tấm lớn porcelain bằng công nghệ Continua+ của Sacmi (Italia). Công nghệ này sẽ đưa Viglacera bước lên một tầm cao mới, vượt lên mọi trở ngại về kỹ thuật và hiệu suất của người tiêu dùng và khả năng gạch ốp lát từ trước đến nay. Hãy tưởng tượng các đường liên kết giữa chiều dọc và chiều ngang của một bức tường hoặc sàn có thể được pha trộn theo những cách mới để mang lại tính liên tục về hình ảnh kết hợp với hiệu suất kỹ thuật của chất liệu porcelain cao cấp. Điều này sẽ cho phép các kiến trúc sư, nhà thiết kế nội thất hiện thực hóa các ý tưởng trong mơ của mình để mang đến những kết quả thực sự đáng kinh ngạc.



28



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 27



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 29

CÔNG NGHỆ GẠCH ỒP LÁT



CÔNG NGHỆ GẠCH ỐP LÁT



CÔNG NGHỆ GẠCH ỐP LÁT

COLOR BODY
CÔNG NGHỆ MÀU TRONG XƯƠNG



WHITE BODY
CÔNG NGHỆ XƯƠNG TRẮNG



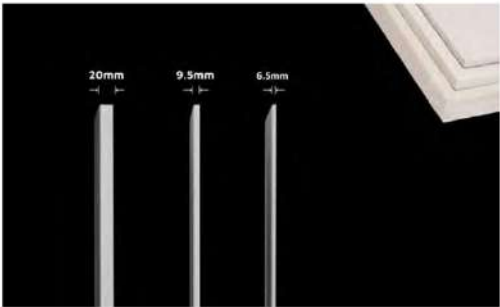
FULL BODY
CÔNG NGHỆ XƯƠNG ĐỒNG CHẤT



BASIC BODY
CÔNG NGHỆ XƯƠNG PORCELAIN, SEMI PORCELAIN, CERAMIC...



CÔNG NGHỆ ĐỘ DÀY

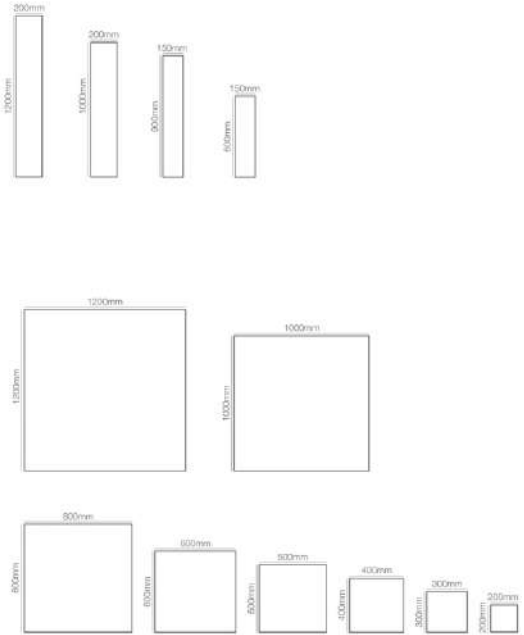
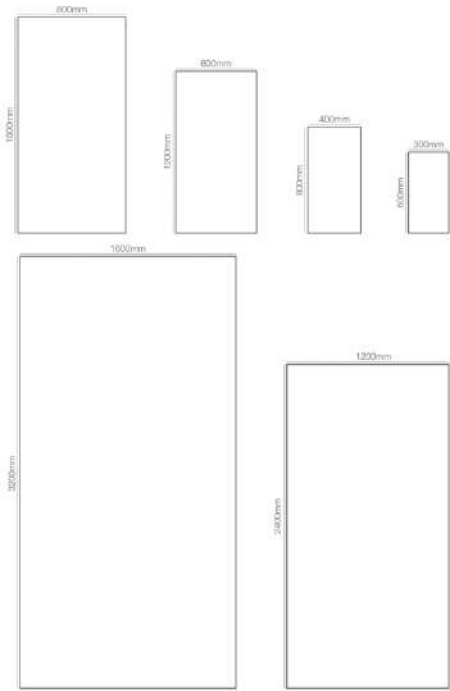


CÔNG NGHỆ CHỐNG TRƠN TRƯỢT



CÔNG NGHỆ GẠCH ỐP LÁT

KÍCH THƯỚC





VIGLACERA

Nâng tầm phong cách sống

Tiến phong công nghệ
Đ dẫn đầu xu hướng thiết kế



42



108



116



134



150



170

GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ

Gạch xương trắng (White body)	42
Gạch xương màu (Colorbody)	50
Gạch xương porcelain	56
Gạch vân gỗ	98

GẠCH PORCELAIN RẢI LIỆU HAI LẦN

GẠCH BÀN SỬ

GẠCH CERAMIC

GẠCH NGOẠI THẤT

NGÔI VÀ GẠCH COTTO

GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH XƯƠNG TRẮNG (White body)



PSIG-P6806 / PSIG-P6806 / PSIG-P61206 / PSIG-P4806 / PSIG-P6806
Polished



Tiến phong trong sản xuất những sản phẩm gạch ốp lát chất lượng cao có giá trị khác biệt, Volacera đã duy trì nền tảng công nghệ, đầu tư thiết bị hàng bị bề mặt sản phẩm trên nền của Bormi và System Group, nhằm phát triển dòng sản phẩm Granite kỹ thuật số đa dạng về kích thước, họa tiết và màu sắc mang đến sự lựa chọn hài hòa phù hợp với nhiều không gian kiến trúc khác nhau...

GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH XƯƠNG TRẮNG (White body)



PSIG-P6802 / PSIG-P6802 / PSIG-P61202 / PSIG-P4802 / PSIG-P6802
Polished



PSIG-P6810 / PSIG-P6810 / PSIG-P61210 / PSIG-P4810 / PSIG-P6810
Polished



PSIG-P6803 / PSIG-P6803 / PSIG-P61203 / PSIG-P4803 / PSIG-P6803
Polished

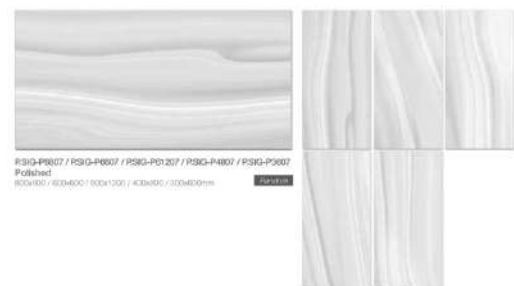


PSIG-P6808 / PSIG-P6808 / PSIG-P61208 / PSIG-P4808 / PSIG-P6808
Polished

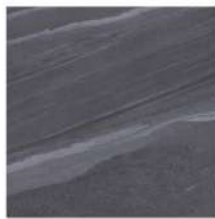




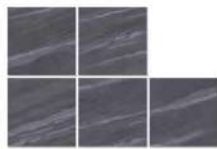
GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG TRẮNG (White body)



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG MÀU (Colorbody)



Polished



PCB-P801 / PCB-P801
Polished
600x600 / 600x600mm



Polished



PCB-P805 / PCB-P805
Polished
600x600 / 600x600mm



Polished



PCB-P803 / PCB-P803
Polished
600x600 / 600x600mm



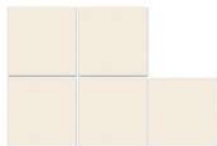
Polished



PCB-P806 / PCB-P806
Polished
600x600 / 600x600mm



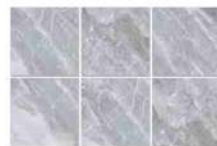
Polished



PCB-P804 / PCB-P804
Polished
600x600 / 600x600mm



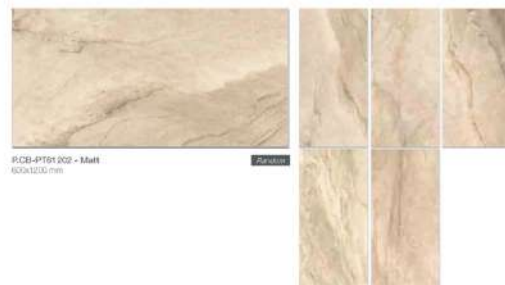
Polished



PCB-P807 / PCB-P807
Polished
600x600 / 600x600mm



GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH XƯƠNG MÀU (Colorbody)



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 55

GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH XƯƠNG PORCELAIN



56 |

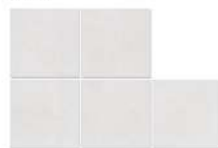
HỒ SƠ NĂNG LỰC | 57



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



Polished



PGB-8806 / PGB-6606 / PGB-61206 / PGB-3606
Polished
800x800 / 600x600 / 600x1200 / 300x600mm



Polished



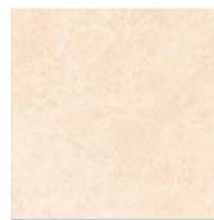
PGB-8809 / PGB-6609 / PGB-61209 / PGB-3609
Polished
800x800 / 600x600 / 600x1200 / 300x600mm



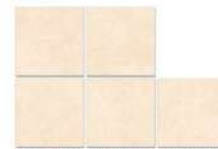
Polished



PGB-8807 / PGB-6607 / PGB-61207 / PGB-3607
Polished
800x800 / 600x600 / 600x1200 / 300x600mm



Polished



PGB-8810 / PGB-6610 / PGB-61210 / PGB-3610
Polished
800x800 / 600x600 / 600x1200 / 300x600mm



Polished



PGB-8808 / PGB-6608 / PGB-61208 / PGB-3608
Polished
800x800 / 600x600 / 600x1200 / 300x600mm



Polished



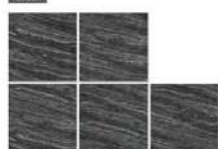
PGB-8811 / PGB-6611 / PGB-61211 / PGB-3611
Polished
800x800 / 600x600 / 600x1200 / 300x600mm



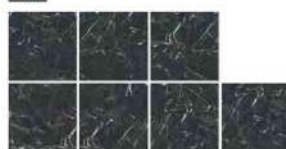
GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH XƯƠNG PORCELAIN



PT-881 - Polished
80x80 cm



PT-882 - Polished
80x80 cm



PE-882B - Polished
80x80 cm



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



Random



PGB-M9801 / PGB-M6601 / PGB-M81201 / PGB-M3601
Matt
800x800 / 800x800 / 800 x 1200 / 300x600mm



Random



PGB-M8004 / PGB-M8004 / PGB-M81204 / PGB-M3604
Matt
800x800 / 800x800 / 800 x 1200 / 300x600mm



Random



PGB-M8602 / PGB-M6602 / PGB-M81202 / PGB-M3602
Matt
800x800 / 800x800 / 800 x 1200 / 300x600mm



Random



PGB-M8005 / PGB-M8005 / PGB-M81205 / PGB-M3605
Matt
800x800 / 800x800 / 800 x 1200 / 300x600mm



Random



PGB-M8603 / PGB-M6603 / PGB-M81203 / PGB-M3603
Matt
800x800 / 800x800 / 800 x 1200 / 300x600mm



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



PGB-S6605 / PGB-S3605 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Rectified



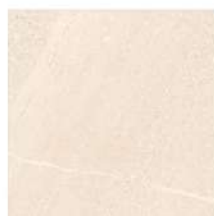
P-GL6607 / P-GL3607 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Rectified



P-GL6606 / P-GL3605 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Rectified



P-GL6606 / P-GL3608 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Rectified



P-GL6606 / P-GL3606 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Rectified

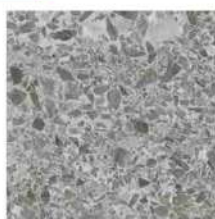


P-GL6609 / P-GL3609 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Rectified



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



PGM-C5601 / PGM-C3801 - Matt
600x600 / 300x450 mm

Rectified



PGM-R5603 / PGM-3643 - Matt
600x600 / 300x450 mm

Rectified



PGM-R5601 / PGM-3641 - Matt
600x600 / 300x450 mm

Rectified



PGM-R5604 / PGM-3644 - Matt
600x600 / 300x450 mm

Rectified



PGM-R5602 / PGM-3642 - Matt
600x600 / 300x450 mm

Rectified

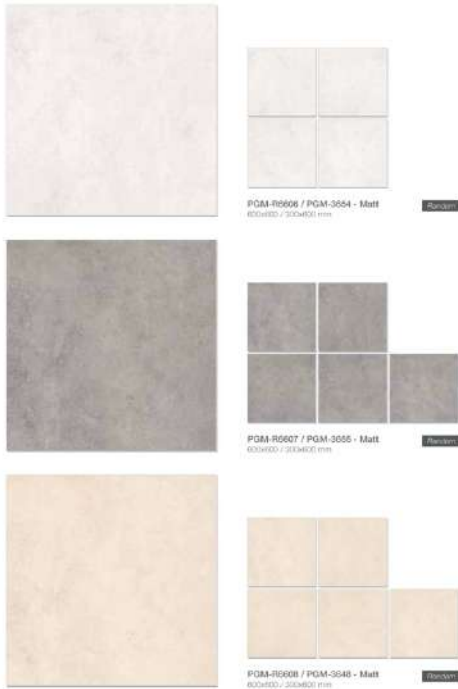


PGM-R5605 / PGM-3645 - Matt
600x600 / 300x450 mm

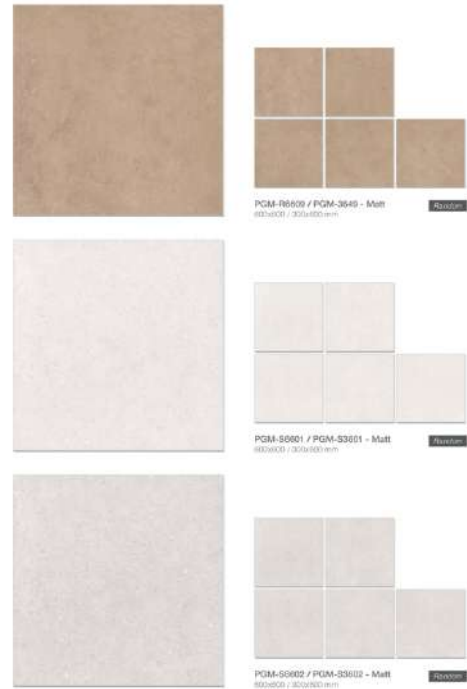
Rectified



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN

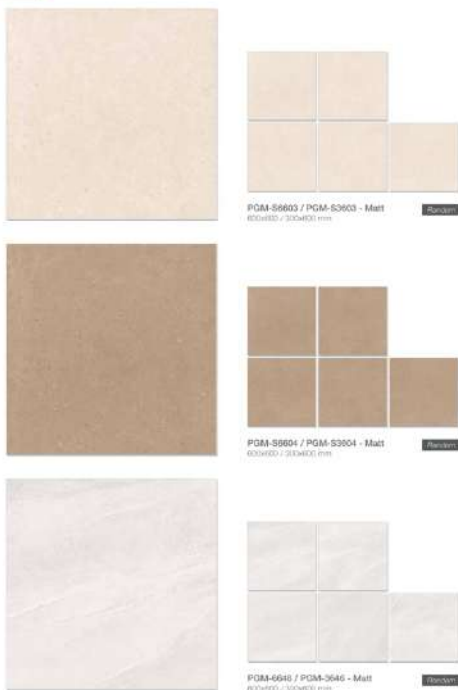


78 |



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 79

GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



80 |



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 81

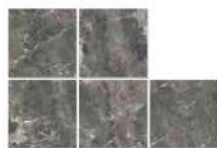


GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



PGM-6621 - Matt
600x600 mm

Acoustic



PGVL-0902 - Matt
600x600 mm

Acoustic



PGM-6650 / PGM-3650 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Acoustic



PGM-6651 / PGM-3651 - Matt
600x600 / 300x600 mm

Acoustic



PTL-561 - Matt
600x600 mm

Acoustic



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



PGM-3617 - Matt
300x600 mm



PGM-3620 - Matt
300x600 mm



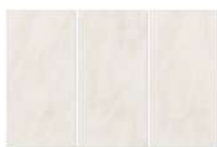
PGM-3618 - Matt
300x600 mm



PGM-3621 - Matt
300x600 mm

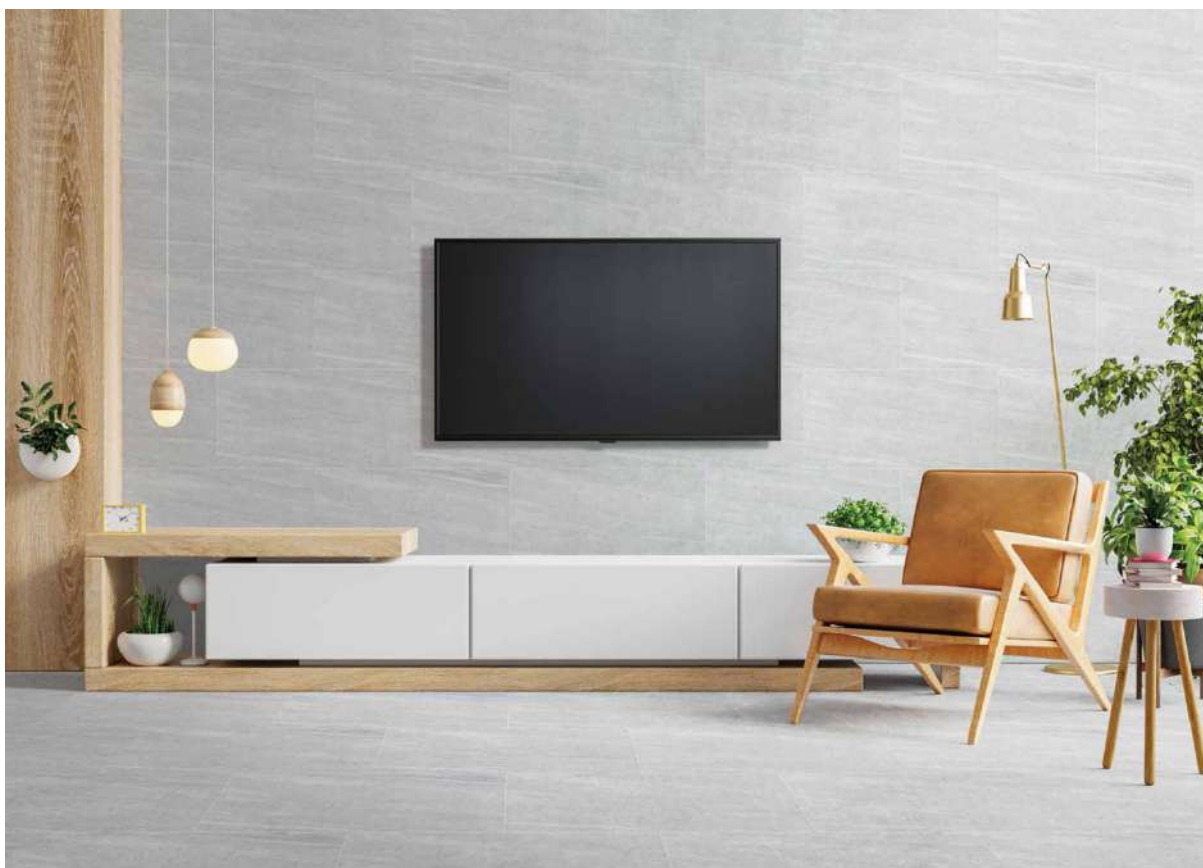


PGM-3619 - Matt
300x600 mm



PGM-3622 - Matt
300x600 mm





GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



PM-3681 - Matt
300x600 mm



PM-3682 - Matt
300x600 mm



PGM-011 - Matt
600x600 mm



PGM-291 - Matt
300x300 mm

GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



PGM-3012 - Polished
30x60 cm



PT-301 - Polished
30x60 cm



GẠCH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GẠCH XƯƠNG PORCELAIN



PGM-4801 - Matt
40x80 cm



PGM-4802 - Matt
40x80 cm



PGM-4803 - Matt
40x80 cm



PGM-4804 - Matt
40x80 cm

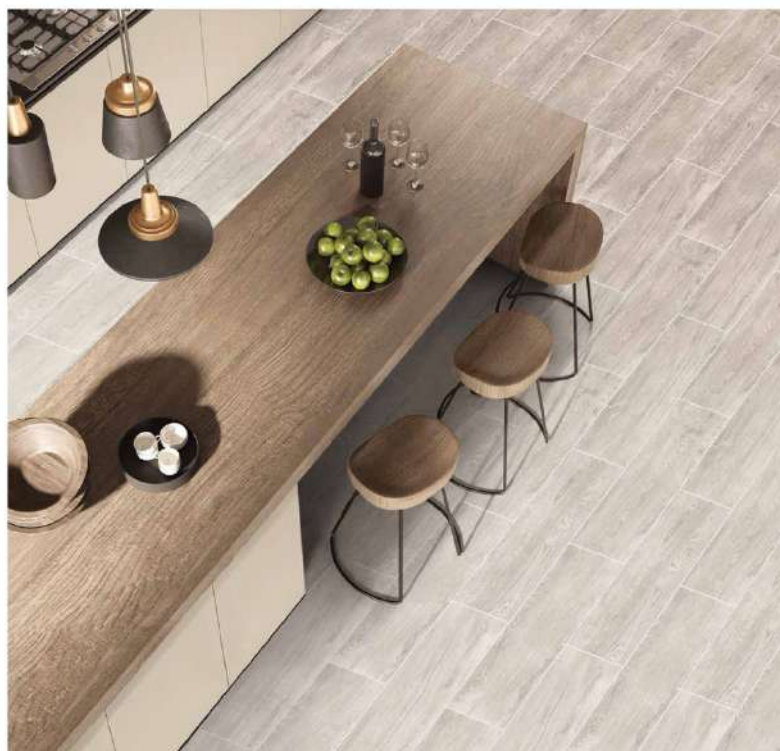
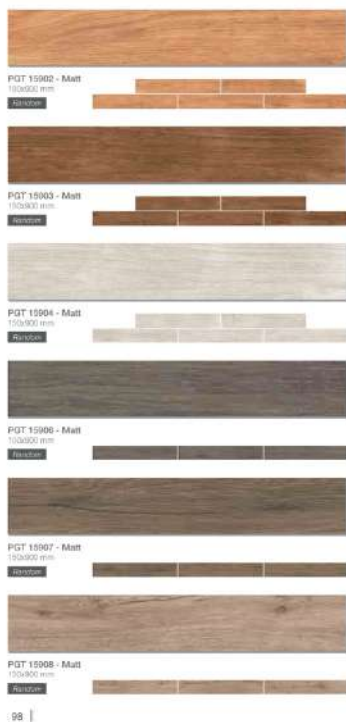


PGM-4805 - Matt
40x80 cm



PGM-4806 - Matt
40x80 cm

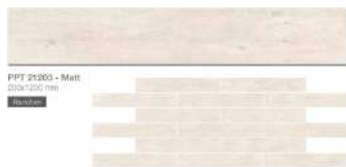
GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH VÂN GỖ



GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH VÂN GỖ



GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH VÂN GỖ



102

GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH VÂN GỖ



104

GACH PORCELAIN KỸ THUẬT SỐ - DIGITAL PORCELAIN
GACH VÂN GỖ



CL-GC21067 - Matt
200x1000 mm
Rounded



SH-GC21063 - Matt
200x1000 mm
Rounded



SH-GC21064 - Matt
200x1000 mm
Rounded



SH-GC21065 - Matt
200x1000 mm
Rounded



SH-GC21066 - Matt
200x1000 mm
Rounded

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 107

GACH PORCELAIN RẢI LIỆU HAI LẦN
DOUBLE CHARGE PORCELAIN TILES



PG4-8817 / PG4-8817 - Polished
800x800 / 800x800 mm

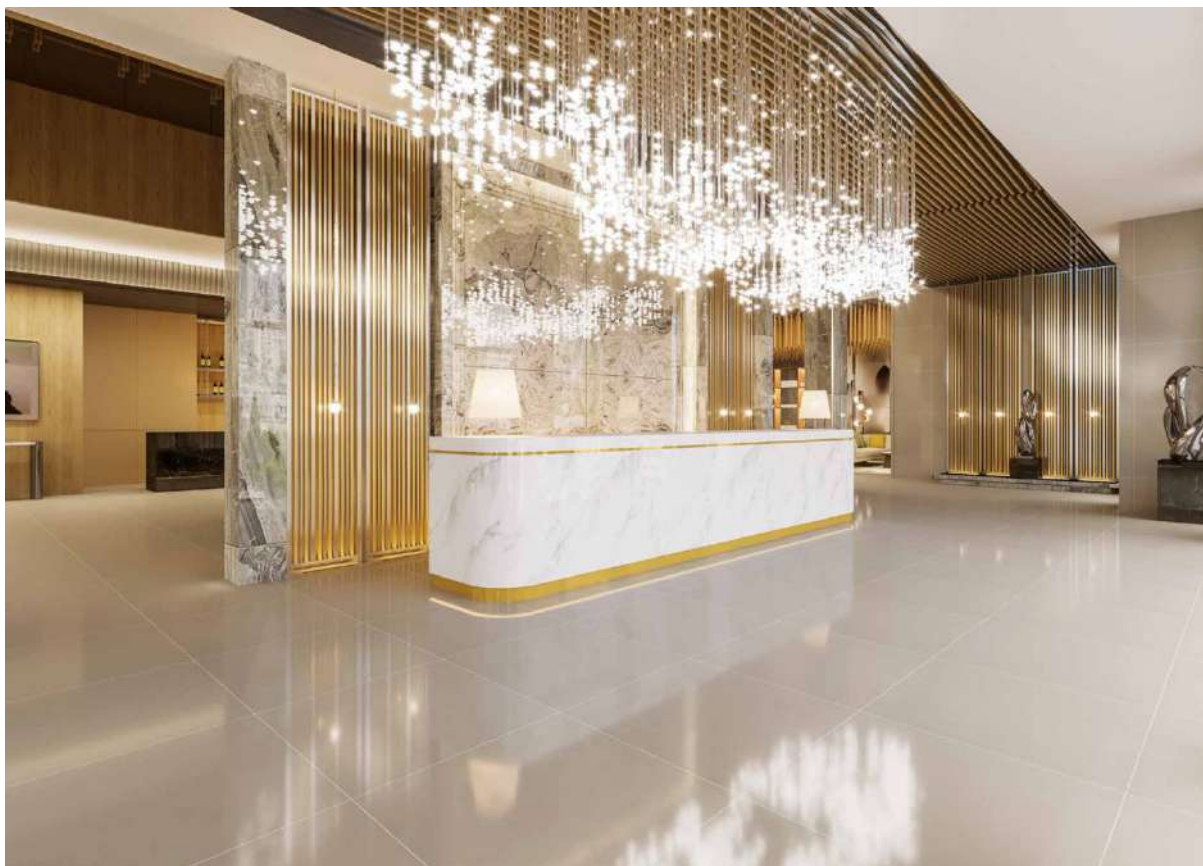


Với những tính năng nổi trội như: Độ hút nước thấp, không bị biến dạng khi áp lực, độ cứng vượt trội, chống mài mòn, chống tẩy rửa. Đặc biệt, với công nghệ mài bóng, mài cạnh và mài rãnh trên dây chuyền mới được nhập khẩu nguyên chiếc từ Châu Âu, sản phẩm sau khi mài đạt đến độ phẳng và kích thước chuẩn gần như tuyệt đối. Gạch Enstone Vajrosara thuộc dự án bộ sản phẩm cao Việt, tạo ra bước đột phá trong công nghệ phối liệu và sản xuất của Vajrosara.

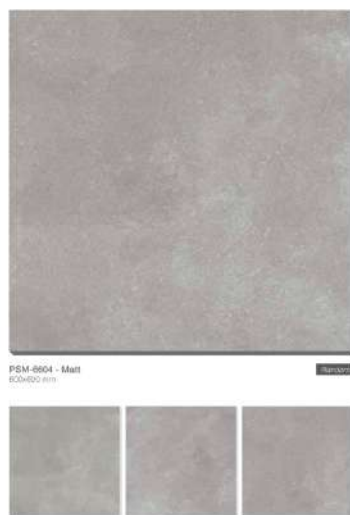


GẠCH PORCELAIN RẢI LIỆU HAI LẦN
DOUBLE CHARGE PORCELAIN TILES





GẠCH BẮN SỨ SEMI - PORCELAIN TILES



Lấy cảm hứng từ cuộc sống bình yên và phong cách kiến trúc mang "hơi thở" đồng quê Châu Âu, bộ sưu tập gạch bán sứ, Vitracera với họa tiết và màu sắc nhàn nhạt mang đầy tính thẩm mỹ sang trọng, nhàn nhã và đẹp cổ điển và hiện đại. Sản phẩm có độ cứng, độ bền, chống thấm nước, chống mài mòn rất tốt, đảm bảo sự thoải mái và an toàn trong sử dụng. Sản phẩm có tính ứng dụng cao và đa dạng cho mọi không gian sống.

GẠCH BÀN SỬ
SEMI - PORCELAIN TILES



PSM-6601 - Matt
600x600 mm

Rectified



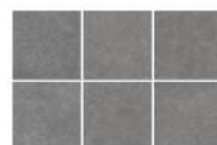
PSM-6605 - Matt
600x600 mm

Rectified



PSM-6602 - Matt
600x600 mm

Rectified



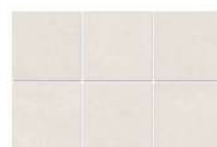
PSM-6606 - Matt
600x600 mm

Rectified



PSM-6603 - Matt
600x600 mm

Rectified

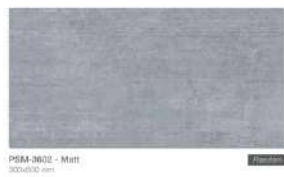
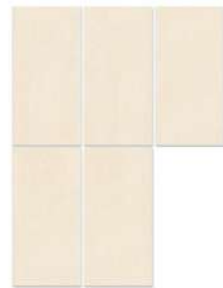


PSM-6607 - Matt
600x600 mm

Rectified



GẠCH BẦN SỨ
SEMI - PORCELAIN TILES



GẠCH BẮN SỨ
SEMI - PORCELAIN TILES



PSM-3605 - Matt
300x600 mm

Porcelain



PSM-3607 - Matt
300x600 mm

Porcelain



PSM-3606 - Matt
300x600 mm

Porcelain



PSM-3608 - Matt
300x600 mm

Porcelain



GẠCH BẮN SỨ
SEMI - PORCELAIN TILES



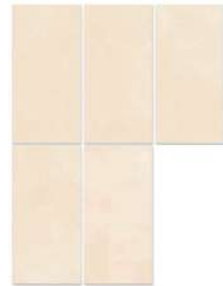
PSM-3609 - Matt
300x600 mm



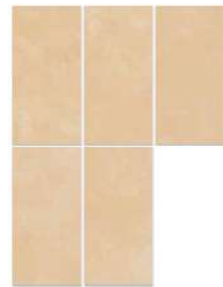
PSM-3610 - Matt
300x600 mm



PSM-3611 - Matt
300x600 mm



PSM-3612 - Matt
300x600 mm



130

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 131

GẠCH BẮN SỨ
SEMI - PORCELAIN TILES



132



PH22-B1 - Matt
200x200 mm



PH22-B2 - Matt
200x200 mm



PH22-B3 - Matt
200x200 mm



PH22-B4 - Matt
200x200 mm



PH22-B5 - Matt
200x200 mm



PH22-B6 - Matt
200x200 mm



PH22-B7 - Matt
200x200 mm



PH22-B8 - Matt
200x200 mm



PH22-B9 - Matt
200x200 mm



PH22-B10 - Matt
200x200 mm



PH22-B11 - Matt
200x200 mm



PH22-B12 - Matt
200x200 mm

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 133

GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES



PCB-3603 - Polished
300x600 mm



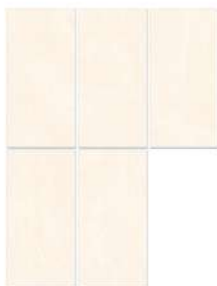
Với mẫu mã phong phú và thiết kế bề mặt đa dạng phù hợp với từng công năng sử dụng, gạch ceramic Viglacera chuyển thể vẻ đẹp của thiên nhiên - cuộc sống vào họa tiết thông qua chất liệu và bề mặt men cao cấp. Sự độc đáo và giàu tính nghệ thuật trong những bộ sưu tập gạch ốp lát ceramic Viglacera thực sự truyền cảm hứng cho mọi không gian sống và thể hiện phong cách riêng cho ngôi nhà bạn.

134

GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES



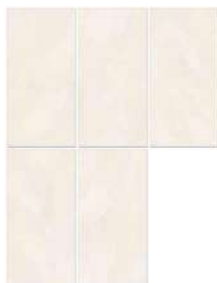
PCB-3602 - Polished
300x600 mm



PCB-3605 - Polished
300x600 mm



PCB-3604 - Polished
300x600 mm



PCB-3606 - Polished
300x600 mm



136

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 137

GACH CERAMIC
CERAMIC TILES



PCB-3607 - Polished
300x600 mm

Polished



PCB-3609 - Polished
300x600 mm

Polished

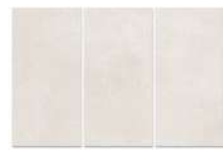


PCB-3608 - Polished
300x600 mm

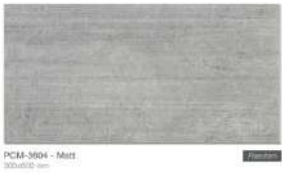
Polished



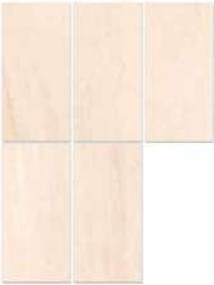
GACH CERAMIC
CERAMIC TILES



GACH CERAMIC
CERAMIC TILES



GACH CERAMIC
CERAMIC TILES



GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR

Ngày nay, cùng với sự phát triển của thời đại, người ta không chỉ chú tâm tới việc trang trí cho không gian nhà ở mà còn quan tâm tới cả trang trí cho không gian ngoại thất. Các sản phẩm ốp lát không chỉ là vật liệu xây dựng mà còn mang đến sự sang trọng, nghệ thuật và đặc trưng văn hóa cho không gian ngoại thất. Việc sử dụng màu gạch ốp ngoại thất không chỉ đảm bảo tính thẩm mỹ mà còn giúp bảo vệ tường nhà bạn tránh khỏi tác động từ thời tiết và môi trường bên ngoài. Nhỏ gọn, có thể loại bỏ sự xuất hiện rêu, nấm mốc, bảo vệ sức khỏe của gia đình bạn. Với thiết kế tinh tế và công nghệ sản xuất hiện đại, gạch ngoại thất là điểm nhấn cho mọi ngôi nhà.

Với hơn 45 năm kinh nghiệm, Viglacera hiện là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng tại Việt Nam. Viglacera tự hào là nhà sản xuất duy nhất tại Việt Nam có nhà máy sản xuất các dòng sản phẩm cao cấp như gạch xương trắng, gạch xương màu, gạch ngoại thất 20mm và đã xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Mỹ và toàn Đông Nam Á. Gạch ngoại thất luôn là niềm tự hào của Viglacera khi là người tiên phong đi đầu áp dụng công nghệ hiện đại, liên tục nâng cấp trang thiết bị sản xuất với máy móc nhập khẩu hiện đại nhất.

Khách hàng là kim chỉ nam cho chúng tôi phát triển, sáng tạo và là lý do để công ty trường tồn. Với sự nỗ lực để thấu hiểu và tiếp cận những mong đợi của khách hàng, Viglacera luôn đổi mới và góp vào sự phát triển của chất lượng để đưa tới những sản phẩm tốt nhất tới khách hàng.



150

GẠCH KỸ THUẬT 20mm

TINH TẾ VÀ ĐẲNG CẤP ĐẾN TỪ THIẾT KẾ

Lấy cảm hứng từ đá tự nhiên với gam màu trung tính, gạch kỹ thuật 20mm là loại gạch bền bỉ nhất và chịu lực tốt nhất hiện nay. Với các đặc tính kỹ thuật vượt trội, chống sốc nhiệt, chống thấm nước, chống trơn trượt, chịu lực cao..., gạch 20mm là lựa chọn phù hợp cho những công trình có mặt độ di chuyển như trung tâm thương mại, khu nghỉ dưỡng, sân quần vợt, công viên, hồ bơi, và hệ các khu vực như sân bóng, sân vườn, hành lang, cầu thang ngoại thất, bể bơi, gara ô tô, hệ di sản... Với những thiết kế độc đáo, xuyên tạc Ý, Viglacera Platinum hy vọng mang đến sự lựa chọn hoàn hảo cho một không gian sống và công trình bề thế, đẳng cấp và trường tồn với thời gian.

-  Khả năng chịu lực cao
-  Dễ thi công
-  Chống thấm nước
-  Dễ vệ sinh
-  Chống sốc nhiệt
-  Chống trơn trượt
-  Chống rêu mốc
-  Chống ăn mòn
-  Thiết kế độc quyền từ Ý

151

GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR

CÔNG NĂNG NỔI BẬT CỦA GẠCH 20mm

VIGLACERA PLATINUM 20mm thuộc nhóm sản phẩm Technical Porcelain, có khả năng chịu lực CAO NHẤT và BỀN NHẤT, các tính chất cơ lý của gạch có nhiều ưu điểm vượt trội so với đá tự nhiên.



Độ cứng trên 7 Mpa, là độ cứng tiêu chuẩn cao nhất đối với gạch ốp lát hiện nay. Độ hút nước < 0,1%, thấp hơn gần 30 lần so với đá tự nhiên.



Bề mặt có khả năng chống rêu mốc và mảng bám.



Dễ dàng vệ sinh mà không cần sử dụng hoá chất.



Chống lại sự bay màu và ăn mòn của axit, muối.



GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR

CÔNG NĂNG NỔI BẬT CỦA GẠCH 20mm



Thi công dễ dàng, phương pháp thi công đa dạng, có thể sử dụng ngay cả ở những khu vực đặc thù nhất.



Khối cấu bền vững, chịu lực lên tới hơn 1.000kg/m² tiêu chuẩn.



Khả năng chống chói với mọi điều kiện khắc nghiệt của thời tiết, giảm tình trạng khai thác đá tự nhiên.

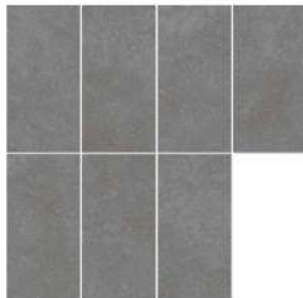


Bề mặt chống trơn trượt R12, an toàn cho người sử dụng. Theo bảng cấp độ chống trơn áp dụng phương pháp thử độ dốc DIN51130 của Đức, R12 (trường đương độ dốc 27 - 34 độ) là cấp độ chống trơn trượt tốt, được khuyến cáo sử dụng ngay cả ở những khu vực đặc thù như nhà tắm.



GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR

GẠCH KỸ THUẬT 20mm



PPT20-G3603

300 x 600mm

Thickness: 20mm

Porcelain, Matt

7 faces



GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR

GẠCH KỸ THUẬT 20mm



PPT20-G459022

450 x 900mm

Thickness: 20mm

Porcelain, Matt

7 faces



PT20-G459022

GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR



HIỆU ỨNG 3D TRÊN BỨC TƯỜNG KHÔNG TUỔI

Gạch ốp tường 3D với những đường hoa văn có độ nhô nhỏ cao thấp, tạo hình khối hay đồ sần nhẵn khác nhau đã tạo nên cảm giác phong phú mới lạ, đẹp mắt theo hiệu ứng ánh sáng mặt trời hay điện chiếu sáng mỗi thời điểm khác nhau trong ngày.

Gạch ốp ngoại thất bản sứ có độ thấm hút nước thấp, được phủ lớp men bảo vệ giúp bảo vệ bức tường khỏi nấm mốc, rêu mốc, không xuống cấp theo thời gian, dễ dàng cọ rửa giúp bức tường nhà bạn trở thành không tuổi, bền bỉ với tác động của môi trường. Ngoài ra gạch còn làm giảm bớt hấp thụ nhiệt vào tường nhà, khiến nhà bạn mát mẻ hơn khi nắng gắt.

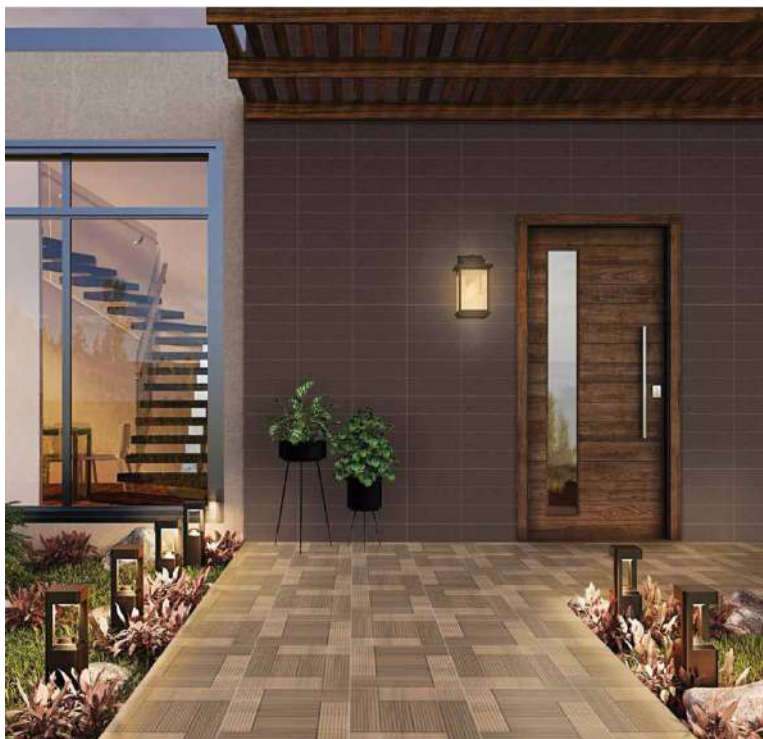
Gạch tấm 10x30cm thi công đơn giản hơn so với gạch ghép vữa, giá thành hợp lý so với đá tự nhiên, màu sắc phong phú, bền bỉ chính là sự lựa chọn tốt nhất cho những mảng tường ngoại thất.



162



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 163



164

GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR



Lưu ý:
1. Xếp đặt gạch theo chiều dọc nên để sơ lư để đạt hiệu quả thẩm mỹ cao hơn.
2. Chỉ ốp tường, không dùng để lát sàn.

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 165

GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR



HOA VĂN TRUNG THỰC - TỰ NHIÊN - BỀN MÀU

Sản phẩm được in kỹ thuật số, thể hiện trung thực các chất liệu đá, cỏ tự nhiên. Lớp men bảo vệ được thêm vào giúp cho lớp hoa văn này giữ nguyên vẻ đẹp sau nhiều năm sử dụng.



P8S 502
500x500 mm



P8S 503
500x500 mm



P8S 504
500x500 mm



P8S 505
500x500 mm



P8S 506
500x500 mm



P8S 515
500x500 mm



HỒ SƠ NĂNG LỰC | 167

166



G1W 3302
300x450 mm

SÀN ĐẸP CHỐNG TRƠN, AN TOÀN KHÔ RÁO
Sản phẩm được phủ lớp men bảo vệ, chống trơn trượt và làm bề mặt viên gạch cứng bền bỉ dưới tác động của môi trường.
Thiết kế những đường gãnh giúp nước không đọng lại mà chảy nhanh theo các rãnh nhỏ trôi đi, cho bề mặt an toàn, khô ráo nhanh chóng.



GẠCH NGOẠI THẤT OUTDOOR



PGW 3301
300x450 mm



PGW 3303
300x450 mm



PGW 3305
300x450 mm



PGW 3320
300x450 mm



PGW 3321
300x450 mm



PGW 3322
300x450 mm



PGW 3323
300x450 mm



PGW 3324
300x450 mm



PGW 3325
300x450 mm

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 169

168

NGÓI & GẠCH COTTO ROOF & COTTO TILES

NGÓI TRƯNG MẪU



GẠCH COTTO
số: 40x60



170



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật gạch Granite kỹ thuật số / Technical Details of Porcelain Stoneware

Số No	Các chỉ tiêu (Norms)	Đơn vị Unit	TCVN 7745:2007 (nhóm B1a)	Gạch Granite kỹ thuật số Viglacera's Digital Granite Tiles	Phương pháp đo Test method
1	Độ hút nước (theo khối lượng) (Water absorption by mass)	%	≤ 0,5	≤ 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
2	Độ cứng bề mặt theo thang Mohs (Scratch hardness of surface by Mohs scale)	Mohs	≥ 5	≥ 5	EN 106 TCVN 6410:2005
3	Cường độ chịu uốn (Module of Rupture)	N/mm ²	≥ 30	≥ 42	EN 100 TCVN 6410:2005
4	Độ sai lệch kích thước (Deviation of size)	%	± 0,5	± 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
5	Độ song vênh (Deviation of flatness)	%	± 0,5	± 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
6	Chất liệu kết cấu (Component of materials)		Granite	Granite	

Tiêu chuẩn kỹ thuật gạch Granite rải liệu hai lần / Technical Details of Porcelain Stoneware

Số No	Các chỉ tiêu (Norms)	Đơn vị Unit	Tiêu chuẩn Châu Âu	Kết quả thực tế Real result	Phương pháp đo Test method
1	Độ hút nước (Water absorption)	%	≤ 0,5	≤ 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
2	Cường độ chịu uốn (Module of Rupture)	N/mm ²	≥ 27	≥ 30	EN 100 TCVN 6410:2005
3	Độ cứng (Scratch hardness of surface)	Mohs	≥ 6	6	EN 101 TCVN 6410:2005
4	Độ bền nhiệt (Resistance to thermal shock)	°C	15°C - 140°C	15°C - 140°C	EN 104 TCVN 6410:2005
5	Độ bền hóa (Chemical resistance)		Chịu được các loại Acid & Bazo	Chịu được các loại Acid & Bazo	EN 107 TCVN 6410:2005
6	Sai lệch lớn nhất của kích thước cạnh (The deviation max thickness)	mm	± 0,5	± 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
7	Sai lệch lớn nhất của độ dày (The deviation max thickness)	%	± 0,5	± 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
8	Sai lệch lớn nhất của độ vuông góc (Deviation max side squareness)	mm	± 0,5	± 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
9	Sai lệch lớn nhất của độ song trục tâm (Deviation max center straightness)	mm	± 0,5	± 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
10	Sai lệch lớn nhất của độ song bề mặt (Deviation max side straightness)	mm	± 0,5	± 0,3	EN 99 TCVN 6410:2005
11	Độ chống mài mòn (Resistance to abrasion)	g/m ²	≤ 175mm ³	≤ 175mm ³	EN 99 TCVN 6410:2005

172

Diễn giải ký hiệu / Symbols

	Gạch ốp tường Wall tiles		Dùng trong nhà In door usage		Cao độ Building		Phòng tắm Bathroom
	Gạch lát sàn Floor tiles		Dùng ngoài trời Out door usage		Khách sạn Hotel		Quán Cà phê Coffee
	Công nghệ in kỹ thuật số Digital printing technology		Nhà hàng Restaurant		Siêu thị Supermarket		

Quy cách đóng gói / Packing details

No	Kích thước Size (cm)	GẠCH GRANITE - PALLETS											Note	
		1 Hộp 			1 Kệ 			1 Container 						
		Viên	m ² / hộp	Kg	Hộp	Viên	m ²	Kg	Số kệ	Hộp	Viên	m ²		kg
1	15x60	12	1.08	25	64	768	69.12	1631						
2	15x90	6	0.81	17.4	85	510	68.85	1479	18	1630	9180	1239.3	26622	
3	30x60	6	1.08	25	56	336	60.48	1431	25	1400	8400	1512	35775	
4	30x90	4	1.08	23.2	32	128	34.56	742.4	34	1088	4352	1175.04	26241.6	
5	60x60	4	1.44	26.8	40	160	57.6	1152	21	840	3360	1209.6	24192	
6	40x80	6	1.92	37	40	240	76.8	1511						Gạch móng
7	45x90	4	1.62	39.2	44	176	71.28	1724.8	16	792	3168	1283.04	31046.4	
8	80x80	3	1.92	45.8	24	72	46.08	1094.4	20	480	1440	921.6	21888	
9	60x120	2	1.44	35	60	120	86.4	2131						

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 173

HỆ THỐNG SHOWROOM



HỆ THỐNG VIGLACERA CENTER

VIGLACERA CENTER HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Hòa Lũy, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
SĐT: (090) 176 1222

VIGLACERA CENTER HOÀ LŨY

Số 10 Hòa Lũy, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
SĐT: (090) 176 1222

VIGLACERA CENTER TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Khu đô thị Sà, 34 - 36 Nguyễn Cư Trinh, P. An Lợi Đông, Q. 2, TP. HCM
SĐT: (028) 6960 8888

VIGLACERA CENTER ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 275-277 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
SĐT: (0236) 3659 888 / (0236) 3659 567

VIGLACERA CENTER BUƠN MÃ THUỘT

Địa chỉ: 259-271 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Mã Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
SĐT: (0865) 195 239

VIGLACERA CENTER VINH

Địa chỉ: 21 - 22 Đại lộ Lê Nh, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
SĐT: (0944) 335 338

VIGLACERA CENTER CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 5 đường Võ Nguyên Giáp, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
SĐT: (0904) 678 668

VIGLACERA CENTER PHÚ THO

Địa chỉ: Số 337 đường Nguyễn Tất Thành, P. Nồng Tráng, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

HỆ THỐNG EUROTILE CENTER

EUROTILE CENTER HÀ NỘI

Địa chỉ: M03-04 Võ Chí Công, P. Xuân La, Q. Tây Hồ, Hà Nội
SĐT: (0247) 3008 168

EUROTILE CENTER QUẢNG NINH

Lô A10, KĐT Mondex, đường Trần Quốc Nghiễn, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
SĐT: (0902) 96538

EUROTILE CENTER NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 24-26 Đại lộ Đông A, Khu đô thị mới Hòa Vương - Lộc Hòa, Nam Định

EUROTILE CENTER VINH

Địa chỉ: Lô G1-C2 Khu đô thị Minh Khang, X. Nghi Phú, TP. Vinh, Nghệ An
SĐT: (0913) 622 308

EUROTILE CENTER ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 297 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng
SĐT: (0236) 3666 809

EUROTILE CENTER ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 332-334 đường Phan Bội Châu, TP. Buôn Mã Thuột, Đắk Lắk
SĐT: (0913) 446 626

EUROTILE CENTER HCM

Địa chỉ: Số 433 Công Hòa, P.15, Q. Tân Bình, TP. HCM
SĐT: (0286) 281 4964

EUROTILE CENTER CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 353 đường 30/04, Phường Lôi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
SĐT: (0916) 639 668



VIGLACERA

Nâng tầm
phong cách sống

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH GẠCH ỐP LÁT VIGLACERA
VIGLACERA CERAMIC TILES TRADING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở: Tầng 2 toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Head Office: 2nd floor Viglacera Tower, No.1 Thang Long Avenue, Me Tri Ward, Nam Tu Liem Dist., Hanoi City
Tel: 024 3543 0726 * Fax: 024 3543 0725 * Email: info@viglaceratiles.vn



www.viglaceratiles.vn



Viglacera Ceramic Tiles

PHỤ LỤC 5



GẠCH ỐP TƯỜNG

MIKADO

ÂY NGÔI NHÀ HẠNH PHÚC • DỰNG XÂY NGÔI NHÀ HẠNH P

NHÃN HIỆU

MIKADO GROUP là một tập đoàn công nghiệp lớn tại Việt Nam, chuyên sản xuất và kinh doanh các loại gạch ốp lát, vật liệu xây dựng hoàn thiện. Trải qua hơn 22 năm hình thành và phát triển, MIKADO khẳng định vị thế thương hiệu uy tín, chất lượng cao, được tin dùng trong nước và quốc tế.

Tìm kiếm



SẢN PHẨM



Cài đặt lại 

GẠCH LÁT NÉN

GẠCH BÔNG

GẠCH SÂN VƯỜN

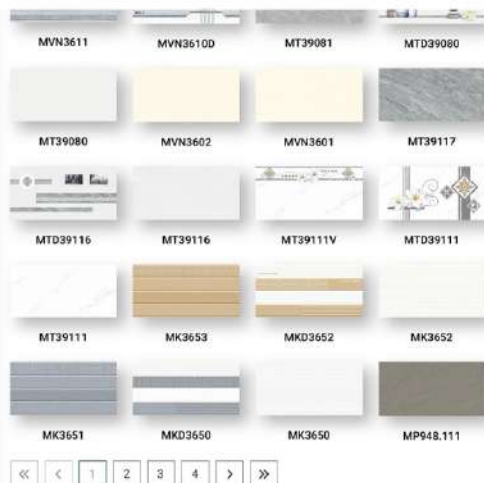
Tìm kiếm

KEO DÁN GẠCH
KEO CHÍT MẠCH
GẠCH COTTO

300 X 600 MM
800 X 800 MM
600 X 1200 MM
600 X 600 MM
400 X 800 MM

CHUNG LOẠI

CERAMIC



Nhập địa chỉ Email của bạn

MIKADO GROUP

Giới thiệu
Tin tức
Dự án
Đại lý
Showroom

SẢN PHẨM

Gạch trang trí, gạch
Mosaic
Gạch lát nền
Gạch sân vườn
Sứ vệ sinh
Sàn Nhựa SPC
Kéo dán gạch

SẢN PHẨM

Gạch ốp tường
Gạch bóng
Tấm trần thạch cao
Đá Quartz
Ngói sóng trắng men
Kéo chít mạch

HỖ TRỢ

Hỗ trợ khách hàng
Bảo hành sản phẩm
Chính sách vật tư thi
công
Dự án
Phối cảnh

PHỤ LỤC 6



Bản chạy nhất. ✓

2223 sản phẩm

- Rut gon ^



750x750mm

